

## PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

### QUYỂN 2

Gồm các phần sau đây:

14. Tám bộ
15. Bốn ma
16. Tiên Thú
17. Nhân Luân
18. Trưởng giả
19. Ngoại đạo
20. Lục sư
21. Quỷ thần
22. Súc sanh
23. Địa ngục.

#### **14. TÁM BỘ.**

1. Trời, 2. Rồng, 3. Dạ xoa, 4. Càn-thát-bà, 5. A-tu-la, 6. Ca-lâu-la, 7. Khẩn-na-la, 8. Ma-hầu-la-già.

Phàm Phật hóa độ đạo cứu trăm linh, truyền pháp ở đời, từ bi với vạn loài. Ra thì Đế-thích dẫn trước, vào thì Phạm thiên theo sau. Tả có Đại tướng do diệt ác mà thành công, Hữu có Kim cang khiến sanh thiện làm đức, ba thừa Hiền thánh đều nghiêm túc qui phục, tám bộ quỷ thần đều cùng đến hộ vệ. Nay xin nêu rõ ra đây.

- Đê-bà (Deva) Dịch là Trời - Pháp Hoa Sớ nói: Thiên là thiên nhiên, tự nhiên thắng, lạc thắng, thân thắng. Cho nên Luận nói: Thanh tịnh sáng sạch, tối thắng tối tôn nên gọi là Thiên (trời). Nếu không phải do nhân tối thắng sao sanh được vào chỗ tối thắng. Nói Nhân tối thắng. Nói nhân tối thắng gồm có mười: Thân ba, ngũ bốn, ý ba, tức do ba nghiệp ngăn ngừa tội lỗi. Có nghĩa thuận lý, tức gọi mười thiện. Do mười thiện này khiến ra khỏi năm đạo. Mười giới này gọi là Thiên thừa. Nếu riêng tu tập mười thiện Thượng phẩm thì sanh lên cõi Dục giới: Một là Tứ thiên vương, hai là Đạo-lợi thiên. Nếu tu mười thiện

mà ngôi chưa đến định thì sanh vào ba là Dạ-ma thiên, bốn là Đâu suất thiên, năm là Hóa lạc thiên, sáu là Tha hóa tự tại thiên. Do sức Thiền định nên khiến bốn trời sau đều ở trên không chẳng nương mặt đất. Nói chưa đến định, tức là chưa đến, tức chưa vào căn bản định. Như Chỉ Quán nói: Nếu ngôi nghiêm nhiếp thân điều hòa hơi thở lắng yên mát, thân như bóng mây, thanh tịnh trống không mà cũng còn thấy có tướng thân tâm, ấy gọi là Định Dục giới. Từ đây trở đi bỗng nhiên chẳng thấy trong Định Dục giới, thân đầu y phục giường ghế v.v... các thứ cũng như hư không thanh thoi an ổn. Thân là sự chướng vị lai (chưa đến) chướng bỏ thân không, vị lai (chưa đến) được phát như thế gọi là chưa đến Định tướng. Đó là nhân quả sáu trời Dục giới.

Nếu tu căn bản bốn thiền lia dục thô tán thì sanh cõi Sắc giới. Dong sắc giới này nương vào Tát-bà-đa chỉ mười sáu chỗ. Cu-xá Sớ nói trừ Đại Phạm thiên nghĩa là trong Phạm phụ thiên có lâu các cao gọi là Đại Phạm thiên, một chỗ ở đấy không có đất khác. Trừ Vô tướng thiên nghĩa là trong quảng quả thiên có chỗ cao quý nhất gọi là Vô tướng thiên không có đất khác.

Như y vào kinh bộ mà lập ra mười bảy trời nên tụng giải thích rằng: Nói Đại Phạm vương cùng Phạm phụ v.v... là chỗ tuy chẳng khác song thân hình và tuổi thọ không đồng nhau nên riêng lập Đại phạm, như Thượng tọa bộ gọi là Vô tướng quảng quả. Nhân quả khác nhau nên lập mười tám trời, phân làm bốn thiên. Sơ thiên có ba trời: một là Phạm chúng thiên là dân được thống lãnh ở đấy, hai là Phạm phụ thiên, tức là quan phụ giúp Phạm vương, ba là Đại Phạm thiên, được Trung gian thiên là chủ thế giới, kiếp sơ thì sanh ra trước, kiếp hết thì mất sau cùng, oai đức cao quý khen tướng gọi là Đại. Nhị thiên có ba trời: một là Thiếu quang thiên, ở trong Nhị thiên có ánh sáng yếu nhất, hai là Vô lượng quang thiên ánh sáng Tăng mạnh không hạn lượng, ba là Quang âm thiên, miệng không nói năng ánh sáng là lời nói, tiếng Phạm là Áp Thiên Tấn gọi là Hữu quang Thọ cũng gọi là Thiếu quang tiếng Phạm là Áp-ba-ma-na, dịch là Vô Lượng Quang tiếng Phạm là A-ba-hội, dịch là Quang Âm. Tam Thiên có ba trời: Một là Thiếu tịnh thiên ý địa lạc thọ lìa mừng tham có ít phần thanh tịnh. Hai là Vô lượng tịnh thiên, tịnh nhiều hơn trước không tính lường được. Ba là Biến tịnh thiên. Tiếng Phạm là Thủ-ha-ký-na, lạc thọ tối thắng (hơn hết), tịnh cùng khắp. Tứ thiên có chín trời: Một là Vô vân, từ Tam thiên trở xuống đều nương mây mà ở, đến Tứ Thiên này thì mới ở trên không. Hai là phước sanh đầy đủ sức thắng phước mới được vãng sanh. Ba là quảng quả, quả báo

đời khác thì cõi này là rất tối thặng, tiếng Phạm là Duy-vu-phả-la mà ba trời này là phàm phu ở. Bốn là Vô tướng thiên là chỗ ngoại đạo ở kể là Niết-bàn, chỉ là tâm tưởng không làm nên gọi là Vô tướng. Năm là Vô phiến tức không có kiến tư phiến nào xen vào. Sáu là Vô nhiệt, tức ý lạc dịu dàng lia các phiến nào. Bảy là Thiện kiến, tiếng Phạm là Tu-ế-thiên, định hương nhỏ yếu dần thấy rất sáng suốt. Tám là Thiện Hiện, hình sắc rất cao quý (thặng) khéo hay biến hiện. Chín là Sắc các pháp, tức sắc pháp cực cao quý, là chỗ rốt ráo nhất. Vô phiến v.v... là chỗ Na-hàm ở nên gọi năm trời này là Ngũ Na-hàm.

Nếu chán lòng sắc thì tu bốn không định ắt sanh bốn Không thiên gọi là Vô sắc giới: Một là Không xứ. Thiền Môn nói: Định này trước nhất lia ba thứ sắc, tâm duyên hư không. Đã cùng Vô sắc tương ứng nên gọi là Xứ không định; Hai là Thức định. Thiền Môn nói: Bỏ không duyên thức, lấy Thức làm Xứ, chính là từ chỗ sở duyên mà được tên; ba là Vô sở hữu xứ. Thiền Môn gọi là Bất dụng xứ. Khi tu định này chẳng dùng tất cả trong ngoài cảnh giới, ngoại cảnh gọi là không, nội cảnh gọi là tâm, bỏ hai cảnh này nhân phi mới tu nên gọi là Bất dụng xứ; Bốn là Phi hữu tướng phi vô tướng. Thiền Môn nói: Có giải rằng: Trước quán Thức xứ là có tướng, Bất dụng xứ là Vô tướng, nay đều trừ hai tướng trên. Cũng có giải rằng: Ước phàm phu mà nói là phi hữu tướng (không phải có tướng) ước Phật pháp mà nói là Phi vô tướng (không phải không tướng). Hợp lại mà luận nên gọi Phi hữu tướng phi vô tướng. Song bốn không này, Đại Tiểu thừa giáo luận về nghĩa vô sắc lại khác. Vã Tiểu thừa giáo như Cu-xá nói vô sắc vô thân, y đồng phận mạng căn mà khiến tâm tiếp nối. Lại Thế Phẩm nói: Cõi Vô sắc giới đều không có xứ sở, vì phi (không phải) sắc nên pháp không có phương sở. Nghĩa là ở xứ đó người được định ấy khi chết rồi ắt là sanh chỗ ấy. Lại Thành Thật Luận nói: Sắc là không, dạy chẳng đến vô sắc. Nay bảo nếu nói đều không xứ sở. Hoa Nghiêm An rằng: Tỷ căn của Bồ-tát nghe mùi hương của cung điện vô sắc giới. Như Đại Thừa Bộ bảo rằng: Chỉ không thô sắc chẳng phải là không tế sắc. Cho nên A-hàm nói: Khi Xá-lợi-phất vào Niết-bàn cõi trời Vô sắc giới trên không trung rơi lệ xuống như mưa phùn mùa xuân, cho nên biết vô sắc chẳng phải là không tế sắc. Đây là Tiểu thừa Tông tính hai thứ khác nhau. Nếu Đại thừa giáo thì như Lăng Nghiêm nói: Trời Tứ không ấy thì thân tâm diệt mất hết, định tánh hiện tiền không có nghiệp quả sắc. Cô Sơn giải thích rằng: Không phải nghiệp quả sắc hiển bày có Định quả sắc Cu-xá Toản nói: Không có nghiệp quả sắc không phải là thân dị thực. Như Phụ Hành nói: Từng nghe có

một Tỳ-kheo được Định vô sắc, định dậy lại sờ không người hỏi tìm gì thì đáp: Tìm thân ta, người hỏi thân đang ở trên giường, ở đây được định còn chẳng thấy thân, nên nghiệm biết bốn không chẳng có nghiệp quả sắc mà nói hiển có định quả sắc, là hiển bày luận gọi Sắc do Định tự tại sanh ra, tức là Thắng định lực, là đối tất cả sắc đều được tự tại tức từ định biến khởi năm trần cảnh. Luận nói: Biến thân vạn ức cùng đứng trên đầu lông không lượng địa giới. Trung Ấm kinh nói: Các trời vô sắc lễ bái Thế Tôn. Lăng Nghiêm cũng nói: Vô sắc cúi lạy. Nhân Vương kinh: Trời Vô sắc giới mưa xuống các hương hoa, hương như núi Tu-di, hoa như bánh xe. Kinh Niết-bàn nói: Trời Phi tưởng nếu là vô sắc thì sao được có tới lui qua lại. Nghĩa như thế thì cảnh giới chư Phật không phải Thỉnh văn Duyên giác biết được. Vì kinh Thỉnh văn nói: Chỗ chứng không bền gọi là chỗ tốt đều là vô sắc. Đại thừa thật nói: Ngoại giới còn thọ sắc pháp tánh há là bốn trời này. Chỉ là không không cho nên chê không phải biết của Nhị thừa. Tịnh Danh Sớ nói: Nếu giáo bất liễu nghĩa thì nói Vô sắc giới là không có sắc. Nếu giáo Liễu nghĩa thì nói Vô sắc giới là có sắc. Song Đại Luận nói: Các trời khi sắp chết thì tướng năm tử hiện ra: Một là hoa trên mào héo, hai là nách có mồ hôi, ba là dây cột thân, bốn là lại thấy chỗ mình sẽ sanh, năm là không thích chỗ ngồi cũ. Các trời thấy tử tướng (tướng chết) ấy thì tiếc vui trời thấy sẽ sanh chỗ ác tâm liền buồn khổ. Lại Cu-xá Luận nói: Năm suy ấy có lớn nhỏ khác nhau. Năm suy nhỏ là: Một y phục trang nghiêm phát ra tiếng khó ưa, hai là ánh sáng của thân tự nhiên tối mờ, ba là khi tắm gội thì nước dính thân, bốn là bản tánh hui tri nay lại trệ vào một cảnh, năm là mất vốn ngưng tịch nay luôn máy động. Năm tướng này hiện không phải mạng nhất định phải chết. Nếu gặp duyên Thắng thiện cũng có thể đổi khác. Lại có năm tướng Đại Suy: Một là y phục dính bụi, hai là hoa cài tóc héo, ba là hai nách ướt mồ hôi, bốn là khí thúì vào thân, năm là không thích chỗ ngồi cũ. Năm tướng này hiện ra nhất định phải chết.

Lại Đại Luận nói: Trời luận chung có bốn thứ một là thiên, hai sanh thiên, ba Tịnh thiên, bốn Tịnh sanh thiên - Một gọi là Thiên là như nay vua gọi là Thiên tử, hai Sanh thiên là từ Tứ Thiên vương đến Phi hữu tướng phi tưởng, ba là Tịnh thiên tức là các Thánh nhân của loài người, bốn là Tịnh sanh thiên, là các Thánh trong ba cõi. Lại kinh Niết-bàn cũng có bốn thiên: Một là Thế gian thiên là như các vua chúa, hai là Sanh thiên là từ Tứ thiên vương đến Phi phi tưởng, ba là Tịnh thiên tức là bốn quả chi Phật, bốn là Nghĩa thiên tức là Thập trụ Bồ-tát, vì thấy tất cả pháp là nghĩa không. Như thế các Thiên (trời) tên rất rộng

phải nên phân biệt.

- Đê-đa-la-tra (Phrtaràstra). Đại Luận nói: Tần gọi là Trị quốc, chủ Càn-thát-bà và Tỳ-xá-xà. Quang Minh Sớ nói: Là Nguyên Thủ của Thượng thẳng, là trời thứ nhất của Hạ giới, ở nửa núi Tu-di, có Đồng Huỳnh Kim Đỏa Vương tên là Đê-đâu-lại-tra, dịch là Trì Quốc, lại dịch là An dân.

- Tỳ-lưu-ly (Virùdhaka). Đại Luận nói: Tần gọi Tăng Trưởng chủ cung Bàn Trà và Tiết-lệ-đa. Quang Minh Sớ nói: Nam Lưu Ly Đỏa Vương tên là Tỳ-lưu-lặc-xoa, cũng dịch là Miễn ly.

- Tỳ-lưu-ba-xoa (Virùpàksa). Đại Luận nói: Tần gọi là Đa văn, chủ Da-xoa và La-sát. Quang Minh Sớ nói: Bắc Thủy Tinh Đỏa Vương tên là Tỳ Sa-môn. Tác Ấn nói tên phước đức nghe khắp bốn phương, nên dịch là Phổ văn. Phật khiến tay vỗ tháp xá-lợi Phật xưa. Tăng Sử Lược nói: Năm Đường Thiên Bảo một, năm nước Tây thiên đến đánh An tây ngày 11 tháng 02, Tần xin binh cứu viện, đem quân vạn dặm nhiều tháng mới đến, cận thân tâu, lại mời Bất Không Tam Tạng vào cung trì niệm, vua Huyền Tông cầm lò hương, Bất Không tụng Nhân Vương Hộ Quốc Đà-la-ni, mới được mười bốn biến thì vua bỗng thấy năm trăm thân nhân mặc giáp cầm kích ở trước điện. Vua hỏi Bất không, đáp rằng: Đây là Độc Kiên con thứ hai của Tỳ Sa-môn Thiên vương theo tâm ước của Bệ hạ mà đến cứu An Tây. Lúc tâu là tháng tư đến giờ Tý ngày 11 tháng 2 (4) (năm sau) sau đó thì ba một dặm ở phía Đông Bắc thành, có mây mù tối mịt có thần vóc gậy dài đều mặc áo giáp vàng, đến giờ dậu thì trống sừng rền vang núi lay đất động, trái hai ngày thì giặc chạy tan, lúc đó trên thành lâu có ánh sáng, Thiên vương hiện hình. Bèn làm biểu dâng lên, vua nhân ra sắc lệnh các đạo châu phủ ở phía Tây Bắc đều đặt hình tượng Thiên vương. Tứ thiên vương này ở lưng núi Tu-di. Cu-xá nói núi Diệu cao có bốn tầng cách nhau mười ngàn (10.000), mỗi bên có mười sáu ngàn (16.000) 8.4.2000 lượng kiên thủ và trì man, Thường Kiêu, Đại vương chúng, như thứ tự mà ở bốn cấp. Cũng ở bảy núi khác. Bốn tên này gọi là Tứ vương.

Tám bộ hoặc nêu hai mươi tám bộ: Một là phương có bốn bộ, sáu phương thì thành hai mươi bốn bộ, tứ duy đều có một hợp lại thành hai mươi tám. Có một thuyết nói: Một phương có năm bộ nghĩa là Địa-Thủy-Hỏa-Phong-Không, bốn phương thành mười (hai mươi) bộ, cùng Tứ vương thống lãnh tám bộ là hai mươi tám bộ. Cảm thông truyện Thiên Nhân Phí Thị nói dưới một Vương có tám tướng quân, bốn vương có ba mươi hai tướng, khắp bốn thiên hạ đến hộ giúp các người xuất gia.

Trong bốn thiên hạ thì Châu Bắc Thiên ít có Phật pháp, còn ba thiên hạ kia thì Phật pháp có nhiều. Song người xuất gia phần nhiều phạm giới cấm ít theo đúng pháp. Đông Tây Thiên Hạ thì ít có điểm huệ, phiền não khó dạy. Một châu Nam Phương tuy có nhiều phạm tội nhưng dạy khiến Thiện Tâm dễ điều phục. Phật sắp nhập Niết-bàn dặn dò giao phó khiến giữ gìn chẳng để ma quân quấy nhiễu nếu chẳng giữ gìn như thế là phá giới. Ai có làm giáo pháp ta nên Phật răn dạy chẳng dám chẳng làm tuy thấy người pháp giới thương mà hộ vệ, thấy làm một thiện vạn lỗi đều tha. Vì tướng quân trong ba mươi hai tướng trên thì hộ vệ nhiều nhất, nếu có nhiều ma trai mà gái chọc ghẹo Tỳ-kheo khiến đạo lực suy yếu và làm hoặc loạn thì tướng quân sợ hãi rượt đuổi tùy cơ mà dẹp trừ. Cho nên nếu có việc thì phải đến chỗ Tứ vương, lúc đó Vương thấy đều đứng dậy, vì Vi tướng quân tu hành Đồng chân hộ trì chánh pháp vậy.

- Dao-lợi (Trayastrīṣa) Ứng Pháp sư nói: Tiếng Phạm gọi tắt sai, gọi đúng là Đa-la-dạ-đăng-lăng-xá, dịch là ba mươi ba. Cu-xá Tụng nói: Đỉnh diệp cao tám vạn, trời ba mươi ba ở, bốn góc có bốn ngọn. Kim cang thủ ở đó. Trong cung gọi Thiện Hiện, chu vi vạn Du thiện na, cao một nửa Kim thành, trong có Điện thù thắng, chu vi ngàn thiện na.

- Thích Đề Hoàn Nhân (Sakra deva nāmiṣṭra). Đại Luận nói: Thích-ca Tần gọi là Năng, Đề-bà-tần gọi là Thiên, Nhân Đề Tần gọi là chủ, hạp mà gọi là Thích-đề-bà-na-dân hoặc Thích-ca Đề-bà-nhân-đà-la, nay gọi tắt là Đế-thích bởi Hoa Phạm đều gọi. Tạp A-hàm nói có một Tỳ-kheo hỏi Phật vì sao gọi là Thích Đề Hoàn Nhân. Phật đáp khi xưa là người làm Đốn thí thường hay làm chủ nên gọi là Thích Đề Hoàn Nhân. Kinh Anh Lạc nói: Ông nay trời Đế-thích công đức các hạnh cao, ngàn Phật huynh đệ hơn không còn tên hiền kiếp, khoảng giữa đều dứt hẳn. Hai mươi bốn trung kiếp sau có Phật ra đời, cõi nước tên Phổ Nhãn, Phật ấy sống bảy kiếp, pháp để lại bảy kiếp. Khi pháp ấy mất rồi thì trống rỗng năm kiếp, ông ở cõi nước ấy mà nối ngôi vị Như Lai hiệu là Vô Trước Tôn. Tịnh Danh Sớ nói: Thời gian này là Đế-thích mà xưa lúc Phật Ca-diếp diệt độ có một người nữ phát tâm sửa tháp lại có ba mươi hai người phát tâm giúp sức, công đức sửa tháp là Dao-lợi Thiên chủ (là cõi trời Dao-lợi) còn những ai có công giúp sửa tháp thì là quần thần, vua tôi hạp nhau gọi là trời ba mươi ba.

- Tu-dạ-ma (Suyāma) dịch là Thiện Thời Phân, lại dịch là Diệp Thiện, mới gọi là Tu-diệp-ma, dịch là Thời phân tức luôn luôn ca hát vui vẻ. Hoặc gọi thọ cảnh ngũ dục biết thời phân vậy.

- Đâu-suất-đà (Tusita). Dịch là Diệu Túc, mới gọi là Đổ-sử-đà dịch là Tri túc. Tây Vực Ký gọi Đổ-sử-đà, xưa gọi Đâu-suất-đà, Đâu-thuật-đà là sai, tức là đối với ngũ dục biết dừng đủ, nên Phật Đại Luận gọi là Hỷ Túc nghĩa là thân sau của Bồ-tát trong giáo hóa tu nhiều hỷ túc.

- Tu-niết-mật-đà (Sunirmàna) hoặc gọi Ni-ma-la. Đại Luận nói: Tần gọi Hóa Tự Lạc, tức tự hóa năm trần mà tự vui nên gọi Hóa Tự Lạc. Lăng Nghiêm gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.

- Bà-xá-bạt-đề (Paranirmitavazavartin) hoặc gọi Ba-la-ni-mật. Đại Luận nói: Tần gọi Tha Hóa Tự Tại. Trời này cướp cái người ta hóa mà tự vui, nên nói Tha hóa tự tại, cũng gọi Tha Ứng Thinh Thiên. Biệt Hạnh Sở nói: là đỉnh trời Dục giới nhờ người khác làm để thành cái vui của mình, tức là Ma vương.

- Đại Phạm (Mahàbrahman). Kinh Âm Nghĩa gọi là Phạm ca-di dịch là Thân Tịnh, tức Sơ thiên Phạm thiên. Tịnh Danh Sở nói: Phạm là tiếng Tây Vực, Tàu dịch là Ly dục, hoặc Tịnh Hạnh. Pháp Hoa Sở nói: Trừ phiền phức há địa mà bay lên sắc giới nên gọi là Ly dục, cũng gọi Cao Tịnh. Tịnh Danh Sở nói: Phạm vương là chủ Thế giới Ta-bà trụ Sơ thiên trung gian tức trung gian thiên ở trong Sơ thiên và Nhị thiên hai thứ (doanh). Tỳ-đàm nói: Nhị thiên trở lên không có pháp nói năng nên chẳng lập Vương pháp, Anh Lạc (nói) Thiên Thiên đều có Phạm vương. Nay bảo chỉ tu thêm Vô lượng tâm, báo thắng là vua không có thống ngự (cai trị). Sơ thiên có thấy biết nói năng thì có chủ thống lãnh tức làm vua. Thứ Đệ Thiên Môn nói Phật ở kinh Nhân vương nói có mười tám Phạm, cũng có dân và vua khác nhau. Lại nói ở Tứ thiên có Đại Tịnh vương, mà Phật ở trong ba tạng chỉ nói Sơ thiên có Đại Phạm Thiên vương là vì trong Sơ thiên có tâm thấy biết thì có pháp nói năng, vua thống lãnh chúng sanh dưới đất rất tiện. Chúng chân nói: Khi kiếp sơ thành thì Phạm vương sanh ra trước riêng ở một kiếp không có bạn bè. Sau khởi niệm nghĩ rằng mong các loài hữu tình đến ở đây. Nghĩ rồi thì con Phạm liền sanh. Ngoại đạo không lường biết liền chấp Phạm vương là thường mà con Phạm là không (vô) thường.

- Thi Khí (Sikhin) Đại Luận nói: Tần gọi là Lửa, hoặc đầu lửa. Pháp Hoa Sở nói: Ngoại quốc gọi là lửa là cây ĐỀ-thi-khí, vua này vốn tu Hỏa định, phá hoặc Dục giới, từ đức mà lập tên. Lại nói: Kinh nêu Pháp vương lại nêu Thi Khí giống như hai người Y Đại Luận thì chính Thi Khí là vương, nay nêu vị mà bày tên, e chỉ một người mà thôi. Triệu nói Thi Khí là tên của Phạm vương, Tần gọi là Đảnh kế.

- Phạm-phú-lâu (Brahmapurohita) dịch là Tiền Ích Thiên, đi trước Phạm thiên, luận nghĩ lợi ích cho Phạm thiên cũng gọi là Phạm phụ.

- Thủ-đà-bà (Suddhàvāsa), Đại Luận nói Tần gọi là Tịnh Cư Thiên, thông cả năm Tịnh Cư.

- A-ca-ni-tra (Akanistha), gọi đúng là A-ca-ni-sắc-đệ hoặc gọi A-ca-ni-sa, dịch là chất ngại căn cứ thiên.

- Ma-hê-thủ-la (Mahezvara) Đại Luận nói: dịch là Đại Tự Tại, gọi đúng là Ma-ha-mạc-hê-y-thấp-phạt-la có tám cánh tay ba mắt cỡi trâu trắng. Phổ Môn Sớ nói: Lâu Thán gọi là A-ca-ni-tra, Hoa Nghiêm gọi là Sắc cứu cánh, có người gọi Đệ Lục Thiên, mà các kinh luận phần nhiều đều gọi Đại Tự Tại, là đảnh của Sắc giới. Thích Luận nói: Qua khỏi trời Tịnh Cư có Thập Trụ Bồ-tát gọi là Đại Tự Tại làm chủ cõi Đại Thiên. Kinh Thập Trụ nói: Đại Tự Tại Thiên có ánh sáng hơn hết tất cả chúng sanh. Niết-bàn Hiển Cúng nói Đại Tự Tại Thiên rất cao quý không phải là Đệ Lục Thiên (trời thứ sáu). Quán Đảnh nói: Tên của vua Oai Linh (tự là Oai Linh Đế).

- Ma-lợi-chi (Màrici) dịch là Dương Viêm, đi trước Tự Tại.

- Tán-chỉ-tu-ma. Dịch là mật, nghĩa là Danh-Hạnh-Lý-Trí bốn thứ đều mật. Thiên thai gọi là Thiên Đại Tướng Quân bảo rằng: Kim Quang Minh lấy Tán chỉ làm Đại tướng Đại Kinh nói: Tám cánh tay mạnh mẽ là lực sĩ của trời. Đại Luận lại gọi là Cưu-ma-la-già (Kumāraka), dịch là Đồng tử cỡi khổng tước cầm gà đưa lên, cầm mở cầm phan đỏ, lại có cầm gông lớn, dịch là Biến (Biến) văn (khấp nghe?) bốn tay cầm bối, cầm bánh xe, cầm kim sí điểu, đều là Đại tướng của các trời, chưa biết Đại tướng quân này định thị hà đẳng (bằng ai?). Quang Minh Sớ nói: Hai mươi tám bộ đi tuần du thế gian thưởng thiện phạt ác đều là Tán chỉ cai quản.

- Bạt-xà-la-ba-ni (Vajrapāni) Lương gọi là Kim cang. Ứng Pháp sư gọi là Bạt-xà-la dịch là Kim cang. Ba-ni dịch là Thủ, tức tay cầm gậy Kim cang, lấy đó mà đặt tên. Chánh Pháp Niệm nói: Xưa có vua và phu nhân sanh ngàn con, muốn thử sau này thứ tự thành Phật, nên Câu-lưu-tôn được thể thứ nhất, Thích-ca được thể thứ tư, cho đến Lâu-chí được thể một ngàn. Phu nhân thứ hai sanh hai con, một người nguyện làm Phạm vương thỉnh ngàn anh Chuyển pháp luân người thứ hai nguyện làm Mật tích Kim cang thần, hộ trì giáo pháp của ngàn anh. Đòi cho là hóa thân của Lưu-chí là không phải, đó là Pháp Ý Vương Tử. Căn cứ vào kinh chỉ có một người. Nay thờ ở trước cửa già lam mà có hai tượng, ứng biến vô cùng nhiều thứ cũng không lỗi (Trích từ Tác Ấn Ký).



- Ha-lợi-đế-nam (Hàriti) Quang Minh gọi là Ha-lợi-đế-nam, đây là tiếng Phạm tức quỷ thần tử. Thử Hiển Lương Ngôn tên tuy có hai mà người chỉ là một. Nên trong luật nói quỷ tử mẫu, sau tổng kết rằng: Lúc đó người trong thành Vương xá đều gọi là Ha Ly Đế Mẫu Thần. Ký Qui Truyện nói: Tây phương thí chủ thỉnh Tăng cúng trai, trước cúng Thánh Tăng sau đãi chúng Tăng. Ở cuối dãy dọn một mâm để cúng Hạ Ly Đế Mẫu.

- Tỳ-thủ-yết-ma (Visvakarman) Chánh Lý Luận âm gọi là Tỳ-thấp-phước-yết-ma, dịch là chủng chủng công nghiệp, người thợ khéo ở Tây Vực thường cúng tế trời này.

- Biệt-tha-na (Visnu) Lương gọi là Vi, cũng gọi Phệ Suất Nộ Thiên.

- Kỳ-bà-thiên (Jiva) Trường Thủy nói Kỳ-bà dịch là mạng phong tục Tây Vực đều thờ Trường mạng Thiên thần. Lời này chưa rõ đầu ra. Theo Pháp Hoa Sớ thì Kỳ Vực dịch là hoạt. Sanh lên trời Đao-lợi, đệ tử Mục-liên bình dùng thần thông lên hỏi, gặp các trời ra vườn dạo chơi, Kỳ Vực ngồi xe chẳng xuống chỉ chấp tay mà thôi, Mục-liên dừng xe. Vực bảo rằng: Các Trời lo hưởng vui chẳng nhìn thấy, Tôn giả muốn cầu gì? Đáp: Dứt ăn là cốt yếu. Mục-liên thả ra xa bèn đi. Theo đây Kỳ-bà-thiên tức là Y Sư (thầy thuốc) Kỳ Vực.

- Tô-li-da (Sùrya) hoặc To-lê-da, Tu-li, dịch là Nhật thần (thần mặt trời) Nhật là Thất là tinh của Thái dương. Khởi Thế Kinh nói: Cung điện của Nhật thiên rộng dài bằng nhau đều năm mươi một do tuần, trên dưới cũng thế.

- Tô-ma (Soma) dịch là Nguyệt thần (thần mặt trăng) Thích Danh nói: Nguyệt là thiếu, nghĩa là đầy rồi vơi. Hoài Nam Tử nói: Nguyệt là tinh của Thái Âm. Khởi Thế Kinh nói: Cung điện của Nguyệt thiên rộng dài bằng nhau đều bốn mươi chín do-tuần. Hỏi vì sao mặt trăng lúc đầu lại thiếu (thuyết không tròn). Đáp: Như kinh Niết-bàn nói: Nguyệt tánh thường tròn thật không tăng giảm nhân có núi Tu-di nên có khuyết. Cu-xá Luận nói: Gần mặt trời thì ảnh tự che nên thấy trăng khuyết. Thế Thi Thiết Túc Luận nói: vì cung điện mặt trăng đi gần mặt trời ánh sáng bị xâm chiếu, các bên phát bóng tự che mặt trăng nên lúc đó thấy không tròn. Song một mặt trăng mặt trời khắp chiếu bốn châu. Trường A-hàm nói Diêm-phù-đề mặt trời giữa trưa thì ở Phát-bà-đề mặt trời lặn, ở Cù-da-ni là mặt trời mọc, còn ở Uất-đơn-việt là nửa đêm. Kinh văn thứ lớp bốn phương khắp nói, hai tên này trích ở Đại Khổng Tước Chư Vương Kinh.

- Na-già (Nàga) Dịch là Long (rồng). Biệt Hạnh Số nói: Long có bốn thứ: Một là giữ cung điện trời, cầm giữ khiến không rơi là rồng làm trên mái nhà ở nhân gian. Hai là nổi mây làm mưa làm lợi ích cho nhân gian. Ba là Địa long, quấy nhiễu sông ngòi. Bốn là rồng giữ kho, giữ kho Đại phước của Chuyển luân vương. Rồng có bốn loài, Cu-xá nói: Noãn sanh kim sí điều hay bắt ăn thịt bốn loài rồng này. Mạ Ý Kinh nói: Đọa làm rồng có bốn duyên: Một là bố thí nhiều, hai là giận hờn, ba là khinh chê người, bốn là tư cống cao. Hoa Nghiêm nói: Rồng làm mưa xuống chẳng từ thân ra, chẳng từ tâm tâm niệm ra không có chứa nhóm mà đều thấy, chỉ do sức của rồng mà mưa lớn khắp xuống thiên hạ, cảnh giới đó chẳng thể nghĩ bàn.

- Nan-đà-bạt-nan-đà (Namda-Upanamda) Văn Cú nói: Nan-đà dịch là Hoan hỷ, Bạt là thiện, anh em thường hộ trì nước Ma-kiệt-đề khi mưa xuống thì nước không đói kém. Bình Sa Vương mỗi năm làm một hội trăm họ nghe đều vui mừng, từ đó mà được tên, Từ Ân nói một tên là Hỷ, hai tên là Hiền Hỷ, hai anh em này khéo hợp lòng người gió chẳng gào thét, mưa chẳng đập phá, trước khiến người mừng lại khiến tánh hiền, khiến mừng lại hiền nên lấy làm tên. Đại Luận nói: Có anh em rồng một tên Cật ly, hai tên A-già-hòa-la, mưa xuống đúng lúc.

- Bà-già-la (Sagara) từ biển mà nêu tên.

- Hòa-tu-cát (Vasuki) dịch là nhiều đầu.

- Đức-xoa-ca (Taksaka) dịch là Hiện độc cũng gọi nhiều lưỡi.

- A-na-bà-đạt-đa (Anavatapta) dịch là Vô nhiệt, từ ao mà được tên, trong ao có năm Trụ đường (nhà ở?)

- Ma-na-tư (Manasin) dịch là Đại thân, hoặc Đại ý, hoặc Đại lực.

- Âu-bát-la (Utpala) hoặc gọi Ưu-bát hoặc Ưu-ba-đà, dịch là Đại Sắc Liên Hoa (hoa sen đen) lại gọi hoa sen xanh. Rồng nường đây mà ở, từ ao mà được tên.

- Y-la-bát (Eratupattra) Xiển Nghĩa Sao nói cũng gọi là Y-la-bạt-la là tên cây Y-la, dịch là khí thúì, Bạt-la dịch là rất. Tức rồng này khi xưa đã phá hại lá cây cực thúì nên phải chui đầu vào cây thúì này nhân đó đặt tên.

- Ca-lê-ca (Kalika) lại gọi Da-la-da, dịch là rồng đen.

- Dạ-xoa (Yaksa) dịch là đồng kiến, hoặc Bạo ác. Xưa gọi là Duyệt-xoa. Tây Vực Ký gọi là Duyệt-xoa. Xưa gọi sai là Dạ-xoa, hay bay trên không trung. La-thập nói Tần gọi là quý nhân, cũng gọi Kinh Tiệp. Có ba thứ: 1/ Ở trên đất, 2/ Ở trên hư không, 3/ Thiên Dạ-xoa, tức là Đọa Dạ-xoa chỉ có tài thí nên không thể bat trên không. Thiên Dạ-

xoa vì thí xe ngựa nên bay đi được. Triệu nói: Thiên Dạ-xoa ở dưới hai trời, giữ thành ao lâu cửa cho trời.

- Hoa-di-la-hằng-duyệt-xoa (Vajrapāniyakṣa) tức Chấp Kim Cang Thần Khả Úy, cũng gọi Bạo ác hoặc La-xoa-bà, dịch là Hộ sĩ, nếu nữ thì gọi là Ra-xoa-tư.

- Bạt Đa-ba-la Dư-tắc-ca (Bha drapālasikṣaka). Kinh Hạ Sanh nói: Tần gọi là Thiện giáo, đây là Dạ-xoa giữ thành của Di-lặc.

- Càn-thát-bà (Gamdharva) hoặc gọi Kiện-đà-la. Tịnh Danh Sớ nói: Dịch là Hương Âm cũng gọi là Lăng Không Thần chẳng dám rượu thịt chỉ hưởng hơi hương là Thiên chủ tràng đảo nhạc thần ở phía Nam núi Tu-di trong hang Kim Cang. Ngài La-thập gọi là Thiện Nhạc Thần ở trong núi đất Thập Bảo khi trời muốn có nhạc thì thân thần này có tướng lạ hiện ra sau mới lên trời. Mới gọi là tầm hương hành. Ứng Pháp sư gọi là Xú hương.

- Đồng-lũng-ma (Druma). Đại Luận nói: Tần gọi là cây, là tên của Càn-thát-bà.

- A-tu-la (Asura) xưa dịch là Vô đoan chánh, người nam thì xấu xí, người nữ thì đẹp. Mới dịch là Phi Thiên. Tịnh Danh Sớ nói: Thần này quả báo rất tốt gần bằng các trời mà không phải trời, Tần-bà-sa Luận nói: Chính tiếng Phạm là Tố-lạc, Tố-lạc là trời nó không phải trời nên gọi A-tố-lạc. Tây Vực Ký gọi A-tố-lạc. Xưa gọi A-tu-la, A-tu-luân, A-tu-la đều sai. La-thập nói: Tần gọi bất ẩm tửu, lý do chẳng uống rượu là trích tư Tạo Bảo Tạng. Pháp Hoa Sớ nói: A-tu-la nhật hái hoa bốn thiên hạ gầy rượu trong biển lớn, nghiệp lực rộng cá vị nó không đổi giận ghét thể dứt nên nói là không rượu. Đại Luận nói: Phật diệt độ đã lâu kinh pháp lưu truyền năm trăm năm sau có nhiều sai khác, hoặc nói năm đạo hoặc nói sáu đạo. Xem các nghĩa kinh đúng là sáu đạo, vì thiện có thượng trung hạ nên có ba thiện đạo, ác có thượng trung hạ nên có ba ác đạo. Nếu chẳng thế thì ác có ba quả báo mà thiện có hai quả báo là việc trái nhau. Nếu có sáu đạo thì nghĩa không trái. Cho nên Tu-la này khi ở nhân thì ôm lòng đố kỵ tuy làm năm thường mà muốn hơn người khác, nên làm mười thiện hạ phẩm mà cảm thân ở đạo này. Hoa Nghiêm nói như La-hầu-la A-tu-la vương, thân dài bảy trăm do tuần, hóa hình dài mười sáu vạn tám ngàn do tuần, ở trong biển lớn lộ ra nửa thân cùng với núi Tu-di bằng nhau. Kinh Lăng Nghiêm nói: Lại có bốn loại A-tu-la, nếu ở quỷ đạo thì dùng đức hộ pháp dùng thần thông bay lên không A-tu-la này từ trứng sanh ra thuộc về loài quỷ. Nếu ở trong trời hết sức đọa xuống tìm chỗ ở gần mặt trời mặt trăng thì A-tu-la này

có thai sanh, thuộc về loài người. Có A-tu-la cầm nắm thế giới, sức suốt vô úy hay cùng Phạm vương và Thiên Đế-thích Tứ thiên vương tranh quyền. A-tu-la này nhân biến hóa mà có, thuộc về loài trời. Có một loại A-tu-la kém cõi sanh giữa biển và chìm sâu dưới miệng hang nước, buổi sáng bay lên không, buổi chiều về nước ngủ. Loại A-tu-la này nhân thấp khí (ẩm ướt) mà có thuộc loài súc sanh. Tịnh Giác hỏi: Bốn thứ A-tu-la này đã thuộc bốn loài vậy không có biệt báo đồng phận ư? Đáp: Tuy thuộc bốn thú (loài) nhưng đều là biệt báo. Nay nói chọn chỗ ở gần mặt trời mặt trăng tức là chỗ đồng phận. Lại Trường A-hàm nói Nam châu có núi Kim cang trong đó có cung Tu-la rộng sáu ngàn do-tuần có hàng rào bao quanh và hàng cây, một ngày một đêm ba lần chịu khổ. Khổ đủ rồi lại vào cung ấy. Kinh Khởi Thế nói: Chỗ Tu-la ở cung điện thành quách đồ dùng so với cung trời giống nhau cũng có cưới gã nam nữ giống như cõi người. Kinh Chánh Pháp Niệm nói; A-tu-la lược có hai thứ: một là thuộc quỷ đạo ma thân nọ quỷ, có thần thông. Hai là thuộc súc sanh đạo, ở dưới đáy bể bên núi Tu-di. Hỏi: Pháp Hoa nêu có bốn thứ Tu-la, cùng bốn thứ của Lăng Nghiêm là đồng hay khác? Đáp: Tư Trung nói đồng. Tịnh Giác nói: nó thuộc bốn kỳ thì trong bốn thứ này chẳng thể thứ lớp phân loại. Kinh Khê nói: Bốn thứ trong Pháp Hoa nói đều cùng Đế-thích đấu tranh, một lượt xem qua thì chỉ đồng với loại thứ ba trong kinh này mà thôi.

- Bà-trĩ (Bali) gọi đúng là Bạc-trĩ-ca, dịch là đoàn viên này lầm dịch là Bị phược hoặc gọi năm chỗ bị cột hoặc gọi năm ác vật, là cột cổ chẳng thoát được là bị Đế-thích cột. Kinh Âm Nghĩa nói: Làm tiền phong cho Tu-la nên bị Đế-thích cột trói, nhân thì không thoát được nên lấy đặt tên.

- Khư-la-khiên-đà (Khalaskandha) Văn Cú gọi là quảng kiên bi, cũng gọi Ác âm là nước biển phun lên (nhảy vọt).

- Tỳ-ma-chất-đa (Vimalacitta) Văn Cú gọi là Tịnh Tâm cũng gọi Chủng Chủng Nghi tức là cha của Xá-chỉ.

- La-hầu (Ràhu). Văn Cú gọi là Chướng Trì, hóa thân dài tám vạn bốn ngàn do-tuần, đưa tay che tối mặt trời mặt trăng. Đời gọi là nhật thực, nguyệt thực. Thích Danh nói: Nhật Nguyệt thiếu gọi là Trùng, thiếu một phần nhỏ gọi là xâm khuy, như trùng ăn lá cây cỏ. Kinh Phòng Dị Truyện nói: Mặt trời mặt trăng đỏ vàng là mỏng (bạc), hoặc nói không giao mà ăn là mỏng (dọc). Vi chiếu nói khí mỏng là mỏng (bạc), Thiếu hư gọi là ăn - Thành Luận nói: Ví như mặt trời mặt trăng trên trời tánh nó sáng sạch, nhân mây bụi, mây, mù... năm thứ che tối

thì không hiện ra mà lấy tên Tu-la. Phật răn rằng: Tu-la Tu-la ông chớ nuốt trứng, vì trứng phá tối hay trừ các nóng.

- Ca-lâu-la (Garuda) Văn Cú nói: Dịch là Kim Sí (cánh vàng). Xí (Sí) dịch là kim sắc, hai cánh tay cách nhau ba trăm ba mươi sáu vạn dặm cổ có châu như ý bắt rồng mà ăn. Triệu nói: Thần Kim Sí Điều.

- Khẩn-na-la (Kimnara) cũng gọi Chân-đà-la dịch là Nghi Thần. La-thập nói Tần gọi là Nhân phi nhân, giống người mà trên đầu có sừng, người thấy hỏi người hay không phải người do đó mà đặt tên. Cũng là Thiên kỹ thần, nhỏ không bằng Càn-thát-bà. Mới gọi là Ca-thần, là thần tơ trúc (khảy đàn thổi sáo) của trời.

- Ma-hầu-la-già (Mahoraga). Cũng gọi là Ma-hô-la-già dịch là Đại phúc lành (đi bằng bụng). La-thập nói: Địa long mà đi bằng bụng. Triệu nói Thần rắn lớn đi bằng bụng. Tịnh Danh Số nói: Tức thế gian miếu thần (miếu thần thế gian) nhận rượu thịt của người đều vào bụng rắn lớn, vì phá giới tà nịnh nhiều sân ít bố thí ham thích rượu thịt, giới hoãn nên đọa làm quỷ thần, nhiều sân trùng vào thân cắn mổ, cũng gọi là Mạc-hô-lạc. Các kinh gọi Nhân phi nhân. Thiên Thai nói: Đây kết vào số tám bộ.

## 15. BỐN MA.

Đại Luận nói: Ma có bốn thứ là: Phiền não ma, ngũ chúng ma, Tử ma, Thiên tử ma. Phiền não ma tức một trăm lẻ tám phiền não phân ra có tám vạn bốn ngàn phiền não. Ngũ chúng ma là nghiệp phiền não hòa hợp mà được thân bốn đại và bốn đại tạo sắc nhãn căn v.v... gọi là sắc chúng, một trăm lẻ tám phiền não v.v... các thọ hòa hợp gọi là Thọ chúng, Tiểu đại vô lượng vô sở hữu tướng (không có tướng phân biệt hòa hợp) phân biệt hòa hợp, gọi là Tướng chúng, nhân tâm đẹp xấu phát ra mà hay khởi tham dục, sân giận các tâm tương ứng và bất tương ứng pháp gọi là Hành chúng. Vì sáu tình sáu trần hòa hợp mà sanh sáu thức là sáu thức phân biệt hòa hợp vô lượng vô biên tâm gọi là Thức chúng Tử ma vì nhân duyên vô thường phá thọ mạng năm chúng tiếp nối, lia hết ba pháp, biết dứt mạng sống nên gọi là Tử ma. Thiên Tử ma là chủ Dục giới, đấm trước vui thế gian dụng có chỗ được nên sanh tà kiến, ganh ghét, Đạo pháp Niết-bàn của tất cả Hiền thánh nên gọi là Thiên Tử Ma. Luận Du Già nói: Do Uẩn Ma có nghĩa đeo đuổi khắp tất cả, Thiên Ma có nghĩa chướng ngại Tử ma và phiền não ma hay cho các khổ chúng sanh sanh tử. Nay bảo phiền não ma là nhân sanh tử Ngũ ấm

ma và Tử ma là quả sanh tử, Thiên ma là duyên sanh tử. Lại Mạ Ý kinh nói: Có năm ma: Một Thiên ma, hai Tội ma, ba Hành ma, bốn Nảo ma, năm Tử ma. Phụ Hành nói: Khổ, không, vô thường, vô ngã bốn thứ là ngoại giới ma, phiền não, năm ấm, tử, Thiên tử bốn thứ là nội giới ma. Tịnh Danh Sở nói: Hàng ma tức là phá Ái luận, Tội ngoại tức là Phá kiến luận. Nhưng Ái kiến có hai: Giới nội tức đấm Ba-tuần bốn sự, giới ngoại tức Nhị thừa và Thông Bồ-tát. Đại phẩm nói: Tu-bồ-đề Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu hai pháp ma chẳng thể phá hoại. Những gì là hai: Một là quán tất cả pháp không, hai là chẳng bỏ tất cả chúng sanh. Nay Tu-bồ-đề, Bồ-tát thành tựu hai pháp này ma chẳng thể phá hoại. - Đại kinh bốn y phẩm nói: Bốn y khu trục ma nói: Phàm Ma-ba-tuần nếu đến thì phải dùng năm Hệ buộc trói ông. Chương An Sở nói: Hệ có hai thứ: Một là năm Thi hệ, hai là Hệ năm xứ - Năm Thi Hệ là như Bất tịnh quán thì trị Ái ma, năm xứ như lý thì trị Kiến ma. Năm Thị biểu thị cho năm thứ Bất tịnh quán, năm Hê biểu thị cho năm Quán môn.

- Ma-la (Mara). Đại Luận nói: Tần gọi là Năng Đoạt Mạng. Tử ma thật ra hay cướp mạng sống, các thứ khác thì hay cướp nhân duyên mạng, cũng có thể cướp Trí tuệ mạng, nên gọi là Sát, lại dịch là Chương là hay làm chương ngại các Tu đạo. Hoặc gọi là Ác vì có nhiều ái dục. Thù dụ nói: Hay giết hại các thiện căn xuất thế. Trên cõi trời thứ sáu riêng có Ma-la ở đấy, thuộc Tha hóa thiên. Phụ hành nói: Xưa dịch kinh luận chữ ma từ chữ Thạch, từ Lương Võ đến nay nói Ma hay nào hại người nên từ chữ quỷ.

- Ba-tuần là sai, gọi đúng là Ba-tỳ-dạ (Pàpīyas) dịch là Ác là tên Ma vương khi Thích-ca ra đời vậy. La-thập nói: Tần gọi là sát vì thường muốn đoạn dứt Huệ mạng người cũng gọi là Ác trong ác. Ác có ba thứ: Một là ác, là mình làm ác lại bị báo ác, gọi là ác. Hai là đại ác nếu người không xâm phạm mình mà mình vô cớ hại người thì gọi là đại ác. Ba là ác trong ác, như người đến cúng dường kính trọng mình, không nghĩ báo ân mà lại hại họ thì gọi là ác trong ác, Ma vương là loại rất ác trong ác. Chư Phật thường muốn khiến chúng sanh an ổn mà ma lại hoại loạn nên gọi là rất. Triệu nói: Tần gọi sát hoặc cực ác, vì đoạn mất thiện nhân của người nên gọi là sát. Trái Phật loạn Tăng tội không gì hơn nên gọi cực ác. Niết-bàn sở nói: Nương Phật pháp mà được Thiện lợi chẳng nghĩ báo ân lại muốn phá hại nên gọi là cực ác, cũng gọi là ba-tuần-du, dịch là ác, tức luôn có ác ý tạo thành ác pháp.

- Ương-củ-ly-ma-la (Aṅgulimālya). Tây Vực Ký nói: Đường gọi Chỉ man. Xưa gọi là Ương-quật-ma-la là sai là giết người lấy ngón tay

đội trên đầu làm tràng hoa (tóc?). Ương-quật-ma-man Kinh nói: Thầy dạy giết đủ một trăm người lấy ngón tay xỏ sâu để làm tràng hoa (tóc?) trên đầu. Lại dịch là, Nhất Thiết Thế Gian Hiện.

- Ma-đăng-già (Mātāgiri) Trường Thủy nói dịch nghĩa là Bản Tánh. Lăng Nghiêm nói: Tánh Tỳ-kheo Ni là đó. Lại ở quá là con gái Bà-la-môn tên Bản Tánh, nay từ hiệu xưa nên gọi là Tánh Tỳ-kheo Ni. Cô Sơn nói: Vì trước thấy tánh tịnh minh thể bèn lập tên tốt ấy. Tịnh Giác nói: Tên là Bản Tánh trích từ kinh Ma-đăng-già, căn cứ vào Ma Đạng Nữ kinh, tên mẹ của cô gái là Ma-đăng-nhĩ. Lại gọi Ma-đăng đều là tiếng Phạm. Ứng Pháp sư gọi là Ma-đăng-già, gọi đủ là A-si (đồ)-đa Ma-đăng-kỳ Chiên-đà-la. Ma-đăng-kỳ là tên chung của cô gái. A-đồ-la là tên riêng của cô gái. Cô gái này hèn hạ làm nghề quét chợ để có ăn mặc.

- Đầu Sư, dịch là Ác Sân, là tên ma thời Phật Ca-diếp.

- Thất-ly-cúc-đa (Srigupta). Tây Vực Ký nói: Đường gọi là Thắng Mật, uống độc hầm lửa thỉnh Phật muốn hại.

## 16. THỨ.

Kinh Lăng Nghiêm nói: Lại có từ người chẳng nương Chánh giác tu Tam-ma-địa, riêng tu vọng niệm còn tưởng, giữ mình đạo chốn núi rừng người chẳng kịp. Có mười thứ Tiên tiếng Phạm gọi là Mâu-nê, dịch là Tiên Thích Danh nói: Già mà chẳng chết thì gọi là Tiên, Tiên là Thiên vậy. Thiên (dời) vào núi cho nên viết chữ nhân bên chữ sơn (?). Trang Tử nói: Ngàn năm chán đời bỏ mà lên tiên. Bảo Phác Tử nói: Người cầu tiên cần phải lấy trung hiếu hòa thuận nhân tín làm gốc. Nếu đức chẳng tu mà chỉ cốt dùng phương thuật, trọn chẳng được trường sanh. Cao Tăng Truyện nói: Thuần Đà người Tây Vực, sáu trăm tuổi chẳng suy yếu. Vua Đường Đại Tông theo cầu Đạo lưu niên. Đà nói tâm thần ưa tịnh nay bị trần cảnh làm chìm đầu thể ngằm tịch. Nếu lìa giản tịnh ngoài mong muốn lưu niên như leo lên cây mà hái phù dung được sao? Bệ hạ muốn sống lâu do giản khiến an thần, thần an thì sống mãi, ít dục thì thân an, thuật này đã qua bản đạo không biết gì nữa. Nói thứ thì Bà-sa Tỳ-đàm đều nói: Thứ là nghĩa đến, tức là chỗ đến của Tiên nhân.

- A-tư-đà (Asita) hoặc gọi A-di dịch là Vô Tỷ, lại dịch là đoan chánh. Đại Luận nói: Tiên A-tư-đà bảo vua Bạch Tịnh rằng: Ta dùng thiên nhãn nghe chư Thiên quỷ Thần nói Tịnh Phạm vương sanh con có thân tướng Phật cho nên đến xin xem. Vua rất vui mừng ra lệnh người

hầu bồng Thái tử ra. Người hầu tâu Thái tử còn ngủ. Lúc đó A-tư-đà nói Thánh vương thường khen tất cả thí ra cam lồ không nên ngủ. Liên từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ Thái tử ẵm trên tay xem trên dưới. Bồng khóc lớn vua sợ hãi hỏi thầy tướng có gì chẳng lành mà khóc lóc thế. Tiên nhân đáp: Nếu trời có mưa núi lớn Kim Cang thì chẳng động một sợi lông há có điều chẳng lành. Thái tử ắt sẽ làm Phật, tôi nghe tuổi đã xế chiều sẽ sanh lên cõi Vô sắc mà chẳng được gặp Phật không được nghe pháp của Ngài nên rất buồn tủi mà khóc thôi.

- Săng-đề (Kwàuti) dịch là Nhẫn nhục tiên. Tây Vực Ký nói: Phía Đông thành Tào-yết-ly có tháp lớn là Nhẫn nhục tiên, bị vua Ca-lợi cắt đứt chỗ ở, phát chẩn hỏi phụng hành dẫn Tam Tạng này tướng nhẫn độ đầy đủ. Kim Cang nói nghĩa thế nào? Đáp: Cắt đứt là đồng, chỉ tùy Tạng diễn nói Nhẫn là khác. Tạng gọi là phục hoặc, chính là tu sự nhẫn, diễn gọi là đoạn hoặc, đạt sự tức không, cũng như Nho Đồng thấy Phật Nhiên Đăng thông cả bốn giáo là tướng Hành nhân.

- A-la-la Ca-ma-la (Àrãđa kàrãma) cũng gọi là La-lặc-ca-lam.

- Uất-đà-la-la-ma tử (Rudraka Ramaptra) cũng gọi là Uất-đầu-lam-phát, dịch là Mãnh hỷ hoặc Cực hỷ. Trung A-hàm La-ma Kinh nói: Khi tôi là đồng tử (trẻ con) tuổi hai mươi chín đến chỗ A-la-la Ca-ma-la hỏi rằng nương pháp ông làm phạm hạnh được chăng? Đáp: không gì chẳng được. Thế nào là pháp tự biết chứng? Tiên nói ta vượt qua Thức xứ, được Vô sở hữu xứ, liền trụ Viễn ly xứ, tu chứng được rồi lại đến chỗ tiên mà thuật chỗ được của mình. Tiên hỏi ông đã chứng Vô sở hữu xứ chăng? Chỗ ta đã được ông cũng được chăng. Liên cùng lãnh chúng. Lại từ nghĩ pháp này chẳng đến trí tuệ chẳng đến Niết-bàn thì đâu thể tìm chỗ an ổn được ư? Thế nên lại đến chỗ Uất-đà-la-la-ma-tử hỏi rằng: Con muốn học pháp của Ngài. Đáp: Không thể được. Hỏi: Tự biết chứng chăng? Đáp: Ta vượt qua vô sở hữu xứ, được phi tướng định, ta chứng đắc đã lâu do tu mà được, cho đến ãnh chúng v.v... Lại nghĩ rằng: Pháp này chẳng đến Niết-bàn, liền đến núi Tượng đầu (đầu voi) thôn Bi-la Phạm Chí bên sông Ni liên thiên thì ngồi chẳng đứng dậy, liền được Vô thượng an ổn Niết-bàn.

- Bà-tẩu (Vasu) Phương Đẳng Đà-la-ni Kinh nói: Khi ấy Bà-tẩu từ Địa ngục ra, đem chín mươi hai ức tội nhân đến Ta-bà thế giới, mười phương cũng thế. Lúc đó Văn Thù Sư Lợi bảo Xá-lợi-phất rằng: Các tội nhân này khi Phật chưa ra đời đã tạo nghiệp bất thiện mà ở trong thế nên, nhân Hoa Tụ phóng ánh sáng lớn, nương ánh sáng mà ra v.v... Bà là trời, Tẩu là huệ. Vì sao là người Thiên huệ ở địa ngục chịu khổ. Lại



bà là rộng, Tẩu là thông, lại Bà là cao, Tẩu là diệu, Bà là đoạn, Tẩu là trí, Bà là cương, Tẩu là nhu, Bà là từ, Tẩu là bi.

- Khư-lư-sắc-tra (Kharostha) Tùy gọi là Lưu Thần, chính là tên của Đại Tiên.

- Thù Chí A-la-bà (ta) (Sucirasa). Tùy gọi là quang vị. Bát-nhã Đăng Luận nói: Thịnh văn Bồ-tát, cũng gọi là Tiên. Vì Phật là bậc tôn quý nhất đã có tất cả Ba-la-mật-đa công đức thiện căn đến bờ kia, nên gọi là Đại tiên.

### 17. NHÂN LUÂN (loài người)

Cõi trời mê vui, bốn thù trầm khổ cho nên năm đạo này không phải chỗ thành Phật. Do đó chư Phật chỉ xuất hiện chốn nhân gian. Như Trí Luận nói: Nếu Bồ-tát làm Bát-nhã từ mới phát tâm trọn chẳng đọa vào ba Ác đạo, thường làm Chuyển luân thánh vương nhiều đời (sinh nhiều) ở Dục giới. Vì sao thế? Vì số sắc giới vô sắc nên không thể giáo hóa. Còn ở sắc giới thì nhiều đắm mê vui thiên định, vì không chán ác tâm cũng chẳng sanh dục thiên diệu năm dục nhiều cho nên ở trong loài người đời đời dùng bốn sự mà nhiếp chúng sanh. Cho nên, Luận rằng: Ba chúng sanh ác đạo chẳng tu được đạo nghiệp, đã được thân người này, phải gắng tự lợi ích. Xem tập này phải rất cảnh giác.

- Ma-nâu-xá-nắm (Manusya) Đại Luận nói dịch là người. Pháp Uyển nói: Người là nhân. Ở đời với tình trái thuận hay an nhẫn. Khổng Tử nói: Người là nhân. Lễ Ký nói: Người là tâm của trời đất, đầu mối của năm hành. Chu Thư nói: Chỉ có người linh hơn vạn vật. Khổng An Quốc nói: Sanh ra trong trời đất chỉ có người là quý. Nay bảo nếu không có thiện nhân sao cảm được báo tốt. Nói thiện nhân tức là năm giới: Một là không giết hại thường nghĩ loài hữu tình đều tiếc thân mạng, tha thứ mình thương xót kẻ khác, còn giận dữ lại hại mạng người. Hai là chẳng trộm cắp, chẳng cho là riêng lấy gọi là trộm cắp, nghĩa đã không phải (vật phi nghĩa) thì cầm lấy. Ba là không tà dâm, con gái có ba hộ pháp cũng cấm, phải giữ gìn lễ tự đề phòng nên cấm lưới dục. Bốn là chẳng vọng ngữ, che thật nói dối, dối mình gạt người, tâm phải ngay thẳng, lời nói thành thật. Năm là không uống rượu, vì rượu khiến tối thân loạn tánh, rượu là rất độc tăng trưởng (thêm lớn) ngu si nên không được cấm uống. Nguyên năm giới của Phật vốn dạy loài người, cùng nghĩa năm thường của Nho không khác. Chẳng giết là nhân, chẳng trộm là nghĩa, chẳng dâm là lễ, chẳng vọng ngữ là tín, chẳng uống rượu là

trí. Cho nên Phạm Ma Dụ Kinh nói: là Thanh Tín Sĩ phải giữ nhân mà chẳng giết hại, tri túc thì chẳng trộm cắp, trinh khiết thì chẳng dâm, giữ tín thì không dối, tận hiếu thì không say sưa, nên hiểu rõ ý chớ chấp tên có khác. Lại Tứ Phần Luật nói: Thọ năm giới có bốn thứ khác nhau. Chỉ thọ ba qui thì gọi là Vô phần Ưu-bà-tắc, nếu thọ một giới thì gọi là Thiếu phần Ưu-bà-tắc, nếu thọ hai, ba, bốn giới thì gọi là Đa phần Ưu-bà-tắc, nếu thọ đủ năm giới thì gọi là Mãn phần Ưu-bà-tắc. Nếu năm giới đều không giữ thì không được sanh làm người. Năm giới này là Đại Tiểu thừa thi la căn bản (giới gốc của cả Đại Tiểu thừa). Kinh nói năm giới là cấm kỵ lớn trong thiên hạ, nếu phạm năm giới thì ở trời trái với năm tinh, ở đất trái với năm nhạc, ở phương trái với năm đế, ở thân trái với năm tạng. Cho nên khi Phật thành đạo chưa Chuyển pháp luân trước đã vì ĐỀ vị mà truyền trao năm giới pháp gọi là Nhân thừa, đứng đầu năm thừa, do năm giới này mà vượt qua ba đường dữ. Do nghĩa vận tải (chở duyên) mà lập tên thừa. Thấy xưa thông mạn gọi là Nhân thiên giáo. Thiên thai nói không công nói lý phá hoặc chẳng được tên là giáo. Tung phụ giáo biên vãng cứu danh nghĩa, lập hai thứ giáo: Một là thế giáo, hai là xuất thế giáo. Chỉ thừa nhận Thiên gọi là Thế giáo, đây buông thả lòng dạ mà lệ Tổ giáo. Nay nói ba giáo lập tên nghĩa ý đều khác. Lại Nho Tông gọi Giáo Nguyên Mạng Bao nói: Giáo là bắt chước lời nói, trên làm dưới bắt chước theo, chỗ pháp bắt chước này gọi là giáo. Đạo gia nói giáo, thì Lão Tử nói: Ở sự vô vi, giáo làm chẳng nói, đây gọi là nhờ giáo mà hiển bày vô vi. Họ Thích nói giáo, nghĩa của bốn giáo là nói lý năng thuyên, hóa chuyển tâm của vật nên gọi là giáo. Hóa chuyển có ba nghĩa: Một là chuyển ác thành thiện, hai là chuyển mê thành giải (hiếu), ba là chuyển phàm thành Thánh. Chỗ nói Thuyên lý, Tạng thông hai giáo là, nói lý chân đế, Biệt Viên hai giáo là nói lý trung đạo. Bởi vì Như Lai y lý mà lập lời bèn khiến quần sanh tu hành mà chứng lý. Cho nên Phật Thánh giáo là pháp xuất thế, chẳng thế đối lập tên Thế giáo. Hỏi: Đạo trong sở thuyên là chỉ pháp nào? Đáp như Phụ giáo nói: Phạm đạo lý là đến Đạo Thường nghĩa là Đại lý này là Bản Thủy hai giác. Nay bình về Bản Thủy hai giác tuy lý trí viên dung, đã gọi là giác thì chính từ trí mà lập. Do đó kinh nói: Bản giác minh diệu. Lại Bản Thủy hai giác phân biệt mà nói thì thuộc sanh diệt môn. Cho nên: Khởi Tín nói tâm ấy sanh diệt là tướng nhân duyên, hay bày ra tự thể tướng dụng Ma-ha-diễn Lý sở thuyên (nói ra) là thuộc chân như môn. Cho nên Khởi Tín Luận nói: là tướng tâm chân như (tâm ấy là tướng chân như?) tức bày thể Ma-ha-diễn. Cho nên đây đối sự mà

chọn lý, nếu ước Tức sự mà nói lý, thì lý tánh không có thể, toàn y vào vô minh vô minh không có thể là toàn y vào pháp tánh, ở nghĩa của tướng này thì chỉ vô minh là lý sở duyên. Do giáo lý này là giềng mối của tông ta, cho nên nhờ Nhân thừa mà luận ngang khái (tóm tắt).

- Ma-nâu-dư (Manusya) Văn Cú gọi là Ý, xưa Đảnh Sanh vương mới hóa các việc ra làm đều khéo suy tư khéo nhớ nghĩ tức Vương giáo, các việc ra làm trước phải khéo suy tư nhớ nghĩ, nên gọi là Ý. Lại người gọi mạn, trong năm đạo có nhiều mạn. Tỳ-đàm Luận nói; vì sao nhân đạo gọi là Ma-nâu-sa. Đây có tám nghĩa: Một là thông minh, hai là thắng, ba là ý vi tế, bốn là Chánh giác, năm là trí tuệ tăng thượng, sáu là hay phân biệt hư thực, bảy là Thánh đạo chính khí, tám là nghiệp thông minh sanh ra.

- Bồ-đặc-già-la (Pudgala) hoặc Phước-già-la hoặc Phụ-đặc-già-la, dịch là Số tử thú, nghĩa là các hữu tình khởi hoặc tạo nghiệp, tức là hay lấy năm thú ở tương lai, gọi là thú. Xưa dịch là thú hưởng, trung ấm hữu tình tiến đến đời trước. Cu-xá nói: Chưa đến chỗ phải đến, chỗ phải đến tức là sáu thú vậy. Lại luận rằng: Tử sanh hai Hữu trong năm uẩn gọi là Trung hữu, cho nên gọi là Thú. Niết-bàn nói Trung hữu năm ấm không phải nhục nhãn thấy được, thiên nhãn mới thấy. Luận Du Già nói: Có tám thứ nhân chấp, cái thứ sáu gọi là Bồ-đặc-già-la, tức là thường lấy các thú, hoặc chết đây sanh kia chính hay sanh tức là nhân chấp (làm người?). Lại dịch là hữu tình hay người. Đại Tỳ-bà-sa luận bảo Phật nói có hai thứ Bồ-đặc-già-la. Hay giữ gìn Chánh pháp tức là người nói người làm, như người giữ giáo khiến tiếp nối không dứt, hay khiến Chánh pháp thế tục ở lâu trên đời, như trì chứng khiến tiếp nối không dứt thì hay khiến Thắng nghĩa Chánh pháp ở lâu. Người trì Chánh pháp có hai: Một là Trì giáo pháp tức là đọc tụng giải nói kinh luật luận. Hai là Trì chánh pháp tức là hay tu chứng Thánh đạo vô lậu.

- Phác-hộ-thiện-na (Bahujana) hoặc Tát-đa-bà, hoặc Thiện đạu, Thiện đạu, dịch là chúng sanh. Ma-ha-diễn nói: Tức là ý và ý thức tất cả các nhiễm tập hội mà sanh nên gọi là chúng sanh mà riêng tự thể chỉ y tâm làm thể. Kinh Đồng Tánh, Phật nói: Chúng sanh là các duyên hòa hợp nên gọi là chúng sanh. Đó là đất nước lửa gió, không thức, danh sắc, sáu nhập, nhân duyên sanh. Vua Lăng Già nói: Thừa Thế Tôn chúng sanh ấy lấy gì làm gốc, nương đâu mà ở, lấy gì làm nhân. Phật bảo: Chúng sanh ấy lấy vô minh làm gốc, y ái mà ở (trụ), lấy nghiệp làm nhân. Vua Lăng Già thưa Thế Tôn nghiệp có mấy thứ? Phật nói: Nghiệp có ba thứ là thân khẩu ý - Lại Thích luận nói: Chúng sanh có ba

nhóm: Một là Chánh định ất vào Niết-bàn, hai là Tà định ất vào ác đạo, ba là Bất định. Hay phá điền đảo gọi là Chánh định, chẳng thể phá điền đảo thì gọi là Tà định, được nhân duyên thì phá được, không có nhân duyên thì không phá được gọi là Bất định.

- Bộ-sa (Purusa) hoặc Phú-lâu-sa, gọi đúng là Phú-lô-sa dịch là truyền pháp. Đại Tải Lễ nói: Trượng là lớn dài, phu là nâng là nói lớn chế vạn vật, lấy đạo nâng đỡ tiếp (giúp). Mạnh Tử nói: Phú quý chẳng nên dâm, bần tiện chẳng nên lo, oai vũ nên khuất, đấy gọi là Đại Trượng phu. Lại dịch là Sĩ phu. Truyện nói: Thông cổ kim biện được chẳng, đó là sĩ. Số đầu là một, ở cuối là mười. Khổng Tử nói: Suy một hợp mười là sĩ. Thi Truyện nói: Sĩ là Sự. Bạch Hổ Thông nói: Sĩ là gọi người nhận sự (lãnh việc) Chu Lễ nói: Thiên tử có Nguyên sĩ, Trung sĩ, Hạ sĩ. Niết-bàn nói là Đại thừa điển có tướng Trượng Phu gọi đó là Phật tánh nếu người chẳng biết thì Phật tánh ấy không có tướng nam đều gọi người.

- Ca-la-việt (Grhapati) Đại Phẩm Kinh gọi cư sĩ là đó. Lăng Nghiêm nói: Thích nói danh ngôn, thanh tịnh tự ở Phổ Môn Số nói: Chứ nhóm nhiều tiền của, làm nghề giàu sang gọi là cư sĩ.

- Bà-la (Bàla) Tùy gọi là mao đạo nghĩa là làm tâm bất định cũng như sợi lông nhỏ theo gió bay vô định. Ngụy Kim Cương gọi là Mao đạo phạm phu. Ứng Pháp sư nói: Tiếng Phạm là Phược-la, dịch là mao, Ba-la dịch là ngu. Tiếng Phạm giống nhau nên người dịch lầm lẫn. Gọi đúng là Bà-la-tất lật khác ngật na dịch là ngu dị sanh, là ngu si tối mù không trí tuệ, chỉ khởi ngã kiến chẳng sanh vô lậu. Cũng gọi là Anh ngu phạm phu. Phạm phu là dịch nghĩa, tiếng Phạm là Bà-la-tất-lợi-tha-già-xà-na, dịch là tiểu nhị biệt sanh, vì ngu si như trẻ con chẳng đồng thánh sanh.

- Ô-ba-đê-thước (?). Dịch là phụ mẫu. Dương Tử nói: Cha mẹ con (con của cha mẹ là) là trời đất cho, không có trời làm sao sanh (sống?) không có đất lấy gì có hình. Chích hoa nói trời treo tượng, đất chứa hình, cha thọ khí mẹ hóa thành. Thi nói thương thay cha mẹ sanh ta khổ nhọc, không cha thì nương đâu, không mẹ cậy ai, ra thì hàm tuất vào thì mị chí. Cha hề sanh ta, mẹ hề nuôi ta, vỗ về ta nuôi lớn ta, đoái hoài chăm sóc ta, ra vào vì ta muốn báo đáp ân sâu thì kêu trời sao thấu. Kinh Phạm Võng nói: Hiếu thuận với cha mẹ và Sư tăng Tam bảo.

A-ma (Ambà) dịch là nữ mẫu.

Tô-phát-trất-lị (Sustrì) dịch là Thiện nữ.

Ba-đế (Pati) dịch là phu chủ (chồng) Đại luận nói tất cả người nữ

không chỗ trình bày thì bị tên ác (xấu) thể của người nữ nhỏ thì theo cha mẹ, lớn thì theo chồng, già thì theo con.

Bà-lê-da (Bhàryà) dịch là phụ (đàn bà) Thuyết Văn nói: Phụ (vợ) cùng mình ngang nhau. Phụ là phục, do người nữ cầm chổi quét tước. Hoặc gọi là mệnh phụ là chồng tôn quý vợ để trong nhà sang trọng (tôn vinh là vợ chánh).

A-na-tha (Anartha) dịch là phi chánh kỳ nhân (không phải là người hầu?). Đế Vương Lực Luận nói quen ở với người chánh chẳng thể không chánh. Cũng như sanh trưởng ở đất Tề chẳng thể chẳng nói tiếng nước Tề. Quen ở cùng người bất chánh chẳng thể không bất chánh, cũng như sanh trưởng ở đất Sở chẳng thể chẳng nói tiếng Sở. Dịch nói quân tử do luôn Đức Hạnh quen với giáo sự (việc dạy dỗ) - Tiêu Tử nói: Phàm đạo giao nhân cũng như lụa trắng, nhuộm son thì đỏ, nhuộm chàm thì xanh. Đại Đái Lễ nói: Cùng quân tử dạo chơi như vào vườn lan, lâu mà chẳng nghe thơm thì cũng hóa, cùng người bất thiện ở chung thì như vào chợ cá, ở lâu không biết hôi thúi cũng là biến (lạ?) vậy.

Cưu-na-la (Kunara), dịch là ác nhân, cũng gọi là bất hảo nhân. Chúa Thục khi lâm chung gọi Thái tử bảo rằng: Chớ thấy ác nhỏ mà làm, chớ thấy thiện nhỏ mà không làm. Khổng Tử nói: Thấy thiện như chẳng bằng, thấy ác như rờ nước sôi. Thượng Thư nói: Bày thiện dấu ác là tiếng gió thổi qua cây (gió có tiếng do có cây?) Tăng tử nói: Người ưa làm thiện, phước dẫu chưa đến thì họa đã đi xa. Người làm ác, hung chưa đến mà phước đã đi xa. Biện Ma Thư nói: Thấy thiện mà nuôi lớn thì như mưa sương thấm cỏ cây, gặp ác mà dứt bỏ thì như điều hầu rượt đuổi chim sẻ. Mạ Ý Kinh nói: Người làm thiện ác có bốn Thần biết rõ: Một là Thần đất, hai là Thiên thần, ba là người bên cạnh (bàng nhân?), bốn là ý mình. Kinh Niết-bàn nói: Có mười sáu thứ ác: Một là vì lợi mình thân nuôi ăn uống dê nai để mập mình và buôn bán. Hai là vì lợi mua vật về rồi giết mổ. Ba là vì lợi nuôi heo chó cho mập mà đem bán. Bốn là vì lợi mua vật đã bị (về) giết mổ. Năm là vì lợi nuôi lớn trâu bò cho mập rồi đem bán. Sáu là vì lợi mua vật về giết mổ. Bảy là vì lợi nuôi gà vịt khiến mập rồi đem bán. Tám là vì lợi mua về rồi giết mổ. Chín là câu cá. Mười là săn bắn. Mười một là cướp giựt. Mười hai là nem chả. Mười ba là giăng lưới bắt chim bay. Mười bốn là hai lưỡi. Mười lăm là làm ngục tốt. Mười sáu là búa chùy.

Cứu-ma-la-phù-đa (Kumàrabhùta), Ứng Pháp sư nói là gọi chung người từ tám tuổi trở lên đến chưa cưới gả.

Câu-ma-la (kumàra) Tây Vực Ký nói: Đường gọi là Đồng tử. Thích

Danh nói: Mười lăm tuổi gọi là Đồng. Cho nên lễ có Dương Đồng. Trâu dê không sừng gọi là đồng, núi không cỏ cây gọi là đồng là nói người chưa độ mũ (chưa trưởng thành).

Bát-tra (Paindaka), nên gọi là Bát-trà-ca dịch là Huỳnh Môn

Phiến-đê (Samtha - Samda) hoặc Phiến-trà, dịch là Sanh thiên nhiên. Sanh là nam căn chẳng đủ.

Lưu-noa. Dịch là kiện hoặc kịch, dùng dao bỏ thế lực.

Y-lê-sa-chương-noa (Trsyā), dịch là đố (ganh ghét) nhân thấy người khác dâm mới có tâm ganh dâm khởi lên.

Bán-trạch-ca (Pamdanaksa) dịch là biến, đời này sanh biến

Bát-xoa, dịch là nửa tháng nam nửa tháng chẳng nam, đây là trích từ Tứ Phần Luật.

Phiến-đề-la (Saudāli) dịch là Thạch nữ. Không có căn nam nữ.

Bàn Đại Tử (Pauḍakaputra) đây là trích từ Lăng Già, như Đại Thừa Nhập Lăng Già thì gọi là Thạch Nữ Nhi.

Đà-tố-ca (Dāsaka) dịch là nô. Thuyết Văn nói: Nam bị tội gọi là nô, nữ bị tội gọi là tỳ. Phong Tục Thống nói: Luật xưa không có nô tỳ, tức phạm sự tang, thì bị tội tang một nhập quan là nô tỳ. Bất thì trốn mất, bất được là nô tỳ.

Chiên-đà-la (Camḍāla) dịch là Đồ, gọi đúng là Chiên-trà-la dịch là nghiêm xí, nghĩa là nghiệp ác tự nghiêm, khi đi thì phải lắc chuông, cầm gậy trúc có cấm cờ, nếu không thế thì vua bắt tội. Pháp Hiển Truyện nói: gọi là người ác, cùng người ở riêng, vào thành thị thì gõ gậy trúc để báo hiệu để người tránh đi, nếu đụng chạm thì người đều sợ sệt.

Lâu-do - dịch là ái, là tên của lực sĩ.

Bàn-bà - dịch là người ăn thịt chó.

Yết-sĩ-na - dịch là người nấu thịt chó.

Tát-câu-lô-đề - dịch là bán họ.

Kiên-đê - dịch là Tục (nối)

Na-la (Nara) dịch là Thượng kỳ hý.

## 18. TRƯỞNG GIẢ.

Ở Tây Vực kẻ hào tộc buôn bán lớn nhiều tiền của đều gọi là Trưởng giả. Cõi này không thế bởi để gọi người có đức. Phong Tục Thông nói: Cuối xuân thu có Trịnh Hiền Nhân làm một thiên hiệu là Trưởng giả, bảo tuổi già thích đức việc lớn gọi đó là Trưởng giả. Hàn Tử nói: Ở trong hậu gọi là Trưởng giả. Thiên Thai Văn Cú nói: Trưởng

giả có mười đức: Một là dòng họ sang quý, họ là hậu duệ của Tam Hoàng Ngũ Đế là nha Tả Điều hữu sáp. Hai là vị cao vị thì phụ bậc, thừa tướng Diêm Mai A Hành. Ba là giàu có lớn, giàu thì lừng lẫy hàng vàng, phong nhiều xỉ mị. Bốn là oai mãnh, oai thì nghiêm sừng long trọng bất túc mà thành. Năm là Trí Nhiệm Trí thì lòng như võ khố, quyền ký siêu bạt. Sáu là tuổi già, tuổi già thì thương thương lừng lẫy vật nghi sở phục. Bảy là hạnh tịnh, hạnh thì ngọc khuê không dấu vết, việc làm đúng như lời nói. Tám là Lễ Dị, lễ thì tiết độ tường tự, đời thử thách trông vào. Chín là Thượng thán trên thì một người được kính. Mười là Hạ qui, dưới thì bốn biển đều về. Tịnh Danh Sớ nói: Người cao quý trong nước gọi là Trưởng giả, ắt là hàng quý tộc, tuy là quý tộc nhưng tước vị hèn kém chẳng xứng là tánh vọng tuy là vị cao, nghèo mà không tài đức, đời chẳng trọng, tuy tiến của chứa đầy mà vô sủng bất oai vật không kính sợ. Tuy có thế lực lớn mà thần dụng án đoán người trí khinh khi. Tuy có thần giải minh giám mà tuổi còn trẻ vật tình chẳng vái chào tuy tuổi già đáng sáng nhưng hạnh trong chứa ác bị người chê khinh. Tuy hạnh không tỳ vết mà ngoài thiếu lễ nghi không thể kính trọng. Tuy tới lui làm nghi, nếu người trên chẳng tin thì danh không đồn ca. Tuy hào quý ca vịnh mà vô ân với người dưới thì vật không sùng kính. Cho nên đủ mười đức mới gọi là Trưởng giả.

Tu-đạt-đa (Sudatta) cũng gọi là Tu-đạt-đa, Bà Tu-đạt-đa. Tây Vực Ký nói: Đường gọi là Thiện Thí hay Lạc Thí. Xưa gọi là Tu-đạt là sai, gọi đúng là Tô-đạt-đa, tức hơn quân vương đại thần, nhân mà thông mẫn, chứa mà bay tan vì cứu giúp kẻ nghèo đói mồ côi cô độc. Lúc đó khen đức ông gọi là Cấp Cô Độc. Mạnh Tử nói: già mà không vợ gọi là quan, già mà không chồng gọi là quả, già mà không con gọi là độc, nhỏ mà không cha gọi là cô, bốn thứ này là cùng dân trong thiên hạ. Nay Trưởng giả này cấp thí cho người cô độc nên gọi là Cấp Cô Độc.

Bân Hằng Trục Ni, gọi đúng là A-na-tha Tân-trà-đa Yết-ly-ha-bạt-đế - A-na-tha gọi là vô y (không nơi nương tựa) cũng gọi là cô độc. Tân-trà-đa dịch là Đoàn thí, ưa thích cho kẻ cô độc nên lấy làm tên (Anathapimdada-grapati)

Kỳ-bà (Jivaka)h gọi Kỳ Vực, hoặc Phục-ca dịch là năng hoạt, cố hoạt là con của vua Ảnh Kiên Thiên Kiên các anh do Nại nữ sanh ra, ra thai thì kim ống đồng túi thuốc bị mẹ ghét liền dùng áo trắng mà gói lại bỏ trong ngô hẻm. Lúc đó Úy vương ngồi xe ở xa trông thấy bèn hỏi. Có người đáp rằng: Đây là em bé, hỏi chết hay sống. Đáp: Còn sống (cố hoạt). Vua bèn sai người đem sữa nuôi, sau trở lại cho bà mẹ. Tứ

Phần Luật nói: Kỳ-bà trước đến nước Bắc-xoa-thi-la họ A-đề-lê tên là Tân-ca-la mà học nghề thuốc trải bảy năm, ông thấy đã dùng lông và đào hang chứa cỏ thuốc, khiến ở nước Đắc-xoa-thi-la trên khắp một do tuần mà tìm kiếm thảo dược, có thứ không phải là thuốc đem đến Kỳ-bà theo lời dạy khắp một do tuần mà tìm kiếm, thấy cây cỏ đều phân biệt không có cơ nào chẳng phải là thuốc. Thầy bảo ông nay có thể ra đi, nghề thuốc đã thành, ta nếu chết rồi ắt có ông nối nghiệp - Kỳ-bà Kinh nói: Kỳ-bà đồng tử ở đồng củi, thì thấy trong bó củi lớn có một cây phát ra ánh sáng rực rỡ gọi là Dược vương nếu người bệnh dựa vào thì chiếu thấy tất cả bệnh trong thân.

Cù-ương-la dịch là Thủ hộ tâm, xưa dịch là Cù-sư-la dịch là Mỹ âm.

Đô-già (Ygra), dịch là oai đức.

Sách-đàn-na, dịch là Hộ Di.

### 19. NGOẠI ĐẠO.

Câu-xá Huyền Nghĩa nói: Học trái đế lý, theo vọng tình kinh mà không tự nội giác, gọi là ngoại đạo. Quân Thánh Luận nói: Đám người che lý mê đắm ngoại giáo. Biện Chánh Luận nói: Có chín mươi lăm thứ nổi tiếng ở Tây Vực, ba mươi sáu bộ làm loạn ở Đông quốc (Trung Quốc) Thùỵ Dụ nói theo kinh chín mươi sáu ngoại đạo thì một đạo giữa là chánh tức là Phật, chín mươi lăm thứ kia đều tà. Hoa Nghiêm Đại Luận nói: Chín mươi sáu thứ đều tà, lấy đại mà bỏ tiểu. Bách Luận nói: Thuận đạo Thịnh văn đều tà.

Bà-la-môn (Brāhmana) Phổ Môn Sơ nói: Dịch là Tịnh Hạnh là dòng họ từ kiếp sơ ẩn nhàn trong sơn dã, nên người gọi là Tịnh Hạnh. Triệu nói: Tần gọi là ngoại ý, thứ này có kinh thư riêng đời nối nhau học đạo làm nghiệp, hoặc tại gia hoặc xuất gia, cậy nhờ đạo thuật ấy là người ngã mạn. Ứng Pháp sư nói đây là lầm gọi tắt, gọi đủ là Ba-la-hạ-ma-noa, nghĩa là học nối pháp Phạm Thiên, dòng giống ấy tự bảo là sanh ra từ miệng Phạm Thiên, cao quý nhất trong bốn dòng họ (giai cấp) riêng lấy tên Phạm. Chỉ có ở năm Thiên Trúc các nước khác thì không. Phạm Chí trong các kinh tức đồng tên này, dịch đúng là Tịnh Duệ gọi là dòng giống của Phạm Thiên.

Nhất-xiển-đề (Icchauti) Đại Chúng Sơ Vấn phẩm nói: Thuần Đà hỏi Phật: Nhất Xiển Đề là nghĩa gì? Phật bảo Thuần Đà rằng: Nếu có Tỳ-kheo Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phát ra lời nói thô ác chê bai chánh pháp, tạo các nghiệp nặng trọn không hối cải, tâm không hổ



thẹn, như những người này là thuộc (đến với) Nhất Xiển Đề. Nếu phạm bốn trọng tội, làm tội ngũ nghịch, mà tự biết phạm như thế là tội nặng mà tâm đầu tiên không sợ sệt xấu hổ chẳng chịu phát lồ. Đối với chánh pháp của Phật không có tâm giữ gìn tạo dựng. Mà khinh khi chê bái nói ra nhiều lỗi lầm. Những người như thế cũng thuộc (đến với) Nhất Xiển Đề. Nếu lại nói năng không có chúng Phật pháp, những người như thế cũng thuộc (đến với) Nhất Xiển Đề - Phạm Hạnh phẩm nói Nhất Xiển Đề là không tin nhân quả, không có xấu hổ, không tin nghiệp báo, không thấy đời hiện tại và vị lai không gần gũi bạn lành, chẳng theo lời răn dạy của chư Phật, những người như thế gọi là Nhất Xiển Đề. Đức Vương phẩm nói: Nhất Xiển là tin, Đề là chẳng đủ. Tin chẳng đủ gọi là Nhất Xiển Đề. Nhập Lăng Già kinh nói: Nhất Xiển Đề có hai thứ: Một là đốt cháy, làm hết tất cả chúng sanh giới nguyên. Đại Huệ hỏi vì sao thiêu đốt tất cả thiện căn, nghĩa là chê bai Tạng Bồ-tát, nói rằng: Không phải là tùy thuận Tu-đa-la Tỳ-ni giải thoát, bỏ các thiện căn nên không được Niết-bàn. Đại Huệ thương xót chúng sanh, làm hết giới nguyên chúng sanh ấy là Bồ-tát. Bồ-tát mới phương tiện làm nguyện. Nếu các chúng sanh chẳng nhập Niết-bàn thì ta cũng chẳng vào Niết-bàn. Lại tiếng Phạm gọi là Xiển-đề-ca dịch là Đa-tham - A-xiển-đề-ca dịch là vô dục, A-điên-đề-ca dịch là Cực ác - Duy thức khu yếu nói: Một gọi là Nhất Xiển Đề Ca là nghĩa lạc dục, ưa thích sanh tử. Hai gọi là A-xiển-đề-ca là nghĩa chẳng lạc dục, là không ưa Niết-bàn. Ba gọi là A-điên-đề-ca, gọi là tất cánh (rốt ráo) vì rốt ráo không có tánh (vô tánh) Niết-bàn, cái khác gọi Nhất-xiển-đề-ca tức là thiêu đốt tất cả thiện căn. Hai là A-xiển-đề-ca tức là Bồ-tát Đại Bi. Ba là A-điên-đề-ca tức là vô tánh xiển đề - Nên khu yếu nói: Du già Duy thức nói ở vô tánh một thứ xiển đề (nói là vô tánh xiển đề?) Lại nói: Không có chủng tánh hiện phải rốt ráo cả hai đều chẳng thành.

Ta-tỳ-ca-la - Cũng gọi là Kiếp Tỳ-la (Kapila) dịch là Kim Đầu hoặc Huỳnh Phát, ăn gạo tẻ ngoại đạo (rún). Ứng Pháp sư nói: Xưa nói là ăn gạo vụn, là ngoại đạo tu khổ hạnh, chấp tay ngón cái và ngón thứ ba để cột, vật đến nhà người mà xin gạo giả sàng (xin lấy cám (tấm)) lấy ngón tay nhúm lấy gạo nát (tấm) để trong bàn tay tùy nhiều ít mà làm thức ăn. Nếu nguyên hạt thì không lấy. Cũng gọi là hạnh Phù lưu. Ngoại đạo nhật gạo như phù cưu đi.

Cù-gia-li (kukàlin) cũng gọi Cù-ba-li hoặc Cu-ca-li, dịch là Ác thời già, là đệ tử của Điều Đạt, nhân chê Thân Tử Mục-liên, vua Phạm cùng Phật quả trách, chẳng chịu thân ghẻ lở mà chết đọa vào địa địa

ngục. Duyên rút từ Đại Luận mười ba.

Tô-khí-đát-la, dịch là Thiện Tinh, là anh của (thứ huynh) La-vân em họ của Phật. Thứ nhì nên gọi là con. Phật và Ca-diếp đến chỗ Thiện Tinh, Thiện Tinh xa thấy liền sanh tâm tà ác, nên đang sống mà đọa vào ngục A-tỳ.

Ly-xa (mleccha) dịch là Bì Bạc, lại gọi Đồng Bi, hiện tại gọi Di-lê-xa, dịch là Tiên Tộc Vương hoặc Biên Địa Chủ, hoặc gọi Truyền Tập Quốc Chánh nước ấy nghĩa là nhượng. Năm trăm trượng già kịp làm quốc chủ nên gọi là Truyền Lập Quốc Chính, ra ngoài làm Biên Địa Chủ (chúa vùng Biên Địa) lại gọi là Biên Di, không ai biết - Tây Vực Ký nói tên là Lạc Chiêm Bà Tử, xưa lắm gọi là Ly-xa.

Di-lê-xa (Mleccha) - Hưng Phước gọi là Ác Kiến. Tư Trung nói phải là Biên Tà Bất Chánh Kiến, chết rồi đọa vào biên địa hạ tiện. Trường Thủy nói: Người này ưa cấu uế, cũng gọi là Miệt-lê-xa, Di-ly-xa.

Diễn-nhã-đạt-đa (Yajñadatta) Từ Thọ. Chứng Chơn nói: Người này từ miếu thần xin ăn được, nên gọi Từ Thọ.

Ca-tỳ-la (Kapila). Lương gọi là sắc xanh, cũng gọi là Kiếp-tất-la, dịch là sắc vàng. Phụ Hành nói: Dịch là Huỳnh đầu, đầu như sắc vàng ròng. Lại nói đầu mặt đều như sắc vàng ròng. Tọa Tăng Khu Luận đủ như dưới nói.

Bạt-xà dịch là tránh. Thiện Kiến Luật nói: Vua Tỳ-xá-ly và phu nhân khi chưa lên ngôi thì cùng trẻ chăn trâu ra thành dạo chơi, bèn lấy chân đạp cậu bé chăn trâu, cậu bé khóc nói với cha mẹ rằng: Đây không cha mẹ con mà chân đạp con. Cha mẹ bảo thì con tự tránh đi. Nhân trò chơi này gọi là Bạt-xà, nên dịch là tránh. Sau khi Phật mất một trăm năm Bạt-xà Tỳ-kheo bố thí mười việc. Xá-na-ca-na Bạch ở bảy trăm đến Tỳ-xá-ly, kết lại Tỳ-ni nêu lỗi Bạt-xà.

Tát-giá-ni-càn (Satyanirgrantha). Dịch là Hy Hệ là ngoại đạo tự chịu đói. Ni-càn cũng dịch là Bất Hệ, nhổ tóc ở trường không chứa nhóm gì.

Tiên ni (Senika), cũng gọi Tây Nhĩ Ca, dịch là ngoại đạo có lính.

## 20. LỤC SƯ.

Ngài La-thập nói: có ba thứ Lục Sư họp làm mười tám bộ:

- Một là tự xưng Nhất thiết trí. Tứ Giáo Nghĩa nói: Tà tâm thấy lý phát rà tà trí, biện tài vô ngại.

- Hai là được thần thông. Tứ Giáo Nghĩa nói: Được thiên thể gian

phát ra năm thân thông, cũng gọi là Tự Bi Nhẫn Lực, dao cắt hương thoa tâm không ưa ghét.

- Ba là tụng bốn kinh Vi Đà. Tứ Giáo Nghĩa nói: Bác học đa văn, thông suốt bốn Vi Đà mười tám đại kinh, kiệt hung thế gian thiên văn địa lý thuốc men bói toán không gì chẳng biết. Tịnh Danh Sớ nói: Đem ba thứ này mà ước với sáu sư, một sư có ba,  $3 \times 6 = 18$  thứ ngoại đạo Sư. Phụ Hành nói: Nguyên tổ của Sư là Ca-tỳ-la, phân nhánh khác nhau bèn thành sáu tông, nên nay tập hợp lại nên có sáu Sư.

Phú-lan-na Ca-diếp (Purana Kāśyapa). Ngài La-thập nói: Ca-diếp là họ mẹ, Phú-lan-na là tên. Người này khởi tà kiến bảo tất cả pháp không có, như hư không, chẳng sanh diệt. Triệu nói người này khởi tà kiến bảo tất cả pháp là đoạn diệt, tánh không chẳng đạo vua tôi cha con trung hiếu. Sự Sao nói là sắc không ngoại đạo, vì ngoại đạo dùng sắc phá đục hữu, dùng không phá sắc hữu, gọi là không chí cực (không rốt ráo).

Mạt-ca-lê Câu-dư-lê (Makkari-Gosāliputra) Mạt-già-lê dịch là không thấy Đạo. La-thập nói: Mạt-già-lê là tên Câu-dư-lê là mẹ. Triệu nói: Người này khởi kiến bảo chúng sanh khổ vui không nhân làm mà được, đều do tự nhiên. Tịnh Giác bảo: Cho là tự nhiên thì cũng là đoạn diệt tự nhiên, là đó, tự như thế. Bà-sa nói: Pháp phải như thế không thể sửa đổi, chẳng thể trưng cật, là nghĩa pháp nhĩ, tự nhiên cùng pháp nhĩ đồng nhau.

Sa-xà-dạ Tỳ-la-chi (Saurjayin-Vairadīputra) Sa-xà-dạ dịch là Chánh Thắng. Tỳ-la-chi dịch là chẳng làm La-thập nói: Sa-xà-dạ là tên, Tỳ-la-chi là tên mẹ người này khởi kiến bảo phải trải lâu sanh tử qua nhiều kiếp số sau mới tự hết các khổ. Triệu nói: Người này bảo Đạo không cần cầu phải trải qua kiếp số sanh tử, tự được khổ hết như quang ồng chỉ tròn từ núi cao hết chỉ thì tự ngừng đâu cần cầu. Sớ lại nói đủ tám vạn kiếp thì tự nhiên được đạo.

A-kỳ-đa-xí-xa Khâm-bà-la (Ajita-kézakaubala). Ngài La-thập nói: A-kỳ-đa-xí-xá là tên, Khâm-bà-la là thô ý (áo xấu), người nay khởi tính không phải nhân mà kể nhân mặc áo da khô, và nhổ tóc đốt hửi, cùng các khổ hạnh làm đạo. Triệu nói: Xí-xá Khâm-bà-la là áo thô xấu, người này mặc áo xấu, tự nhổ tóc năm nóng đốt thân lấy khổ hạnh làm đạo, bảo thân này chịu khổ sau thân này mới luôn vui.

Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên (Krakuda-kātyāyana). Ca-la-cưu-đà dịch là ngư lãnh. Ca-chiên-diên dịch là tiền phát (cắt tóc). Triệu nói: Họ là Ca-chiên-diên tên là Ca-la-cưu-đà. Người này bảo các pháp có

tướng cũng không tướng.

Ni-kiện-đà-nhã-đề-tử v.v... (Nirgramtha-Jiàtiputa). Ni-kiện dịch là ly hệ. Triệu nói: Ni-kiện-đà là rút từ tên chung xuất gia như Phật pháp xuất gia gọi là Sa-môn. Nhã-đề là tên mẹ. Người này bảo tội phước khổ vui vốn có nhân nhất định, cần phải nhận chịu, không phải làm Đạo mà dứt được. Phụ hành dẫn Triệu và Thập Chú, cùng kinh Niết-bàn để luận đồng khác. Người học sau nên xem kỹ. Thiên Thai Tứ Niệm Xứ nói: Trong A-hàm nói ba thứ niệm xứ gọi là Tánh cộng duyên, để đối phá ba ngoại đạo này. Có người dịch là Tánh niệm xứ nghĩa là quán không sanh diệt gọi là tướng, thâm tế quán vô sanh thấy tế pháp đều là khổ để sanh tử nên gọi là tánh niệm xứ. Có người chuyên dùng huệ số duyên với vô sanh không lý mà phát chân đoạn kiết, được Huệ giải thoát La-hán, đối phá tà nhân duyên, không chấp tánh nhân duyên điên đảo là Nhất thiết trí ngoại đạo vậy. Cộng niệm xứ là dùng thiền định trợ đạo, chánh trợ hợp tu cũng gọi là Sự Lý cộng quán, phát được vô lậu ba minh sáu thông, thành cụ giải thoát La-hán, đối phá căn bản ái mạn, được năm thần thông ngoại đạo. Duyên Niệm Xứ, là duyên với ba Tạng mười hai Bộ của Phật cùng văn ngôn và tất cả danh tự thế gian. Chỗ được duyên rất rộng, không phải như chi Phật ra đời không có Phật chẳng học được thính giáo, chỉ dùng thần thông để làm vui chúng sanh, chẳng thể nói pháp. Người duyên với niệm xứ hiểu rõ căn tánh, khéo biết bốn biện tài có thể tập hợp pháp tạng, thành Vô Ngại Đại La-hán, đối phá thế gian Vi Đà ngoại đạo.

## 21. QUỶ THẦN.

Trịnh Huyền nói: Tinh khí của Thánh nhân gọi là Thần, Tinh Khí của Hiền nhân gọi là quỉ. Thi Tư nói: Thiên Thần (thâm của rơi) gọi là Linh, Địa Thần (Thái của đất) gọi là Kỳ Nhân thần (Thần của người) gọi là quỉ. Quỉ tức là qui (về). Cho nên người xưa lấy người chết là người về. Bà-sa nói: Quỉ là úy (sợ), nghĩa là hư kiếp nhiều sợ. Lại nói là oai là có oai hay khiến người khác sợ. Lại mong cầu gọi là quỉ nghĩa là quỉ đói kia luôn từ người khác mà mong cầu ăn uống để nuôi sống tánh mạng. Quang Minh Sở nói: Thần là tài năng sức lớn thì có thể dời non lấp bể, sức nhỏ thì có thể ẩn hiện biến hóa. Triệu Sư nói: Thần chịu cả báo thiện ác có hình hơn người mà thua trời thân nhẹ khó thấy. Tịnh Danh Sở nói: Đều thuộc quỉ đạo. Chánh Lý Luận nói: Quỉ có ba thứ: Một là Vô tài quỉ, cũng không có phước đức, không được ăn uống. Hai là Thiếu tài quỉ là có ăn uống một ít diệu tịnh (ngon sạch). Ba là Đa tài

quỉ, có ăn uống nhiều diệu tịnh. Ba thứ này lại đều có ba, loại Vô tài có ba: Một là quỉ có miệng đước lớn, nghĩa là đước lớn thiêu đốt thường từ miệng ra. Hai là quỉ cổ nhỏ như cây kim, bụng to như núi, cổ nhỏ như lỗ kim. Ba là quỉ miệng thú, trong miệng lở loét hôi thúi tự chịu khổ dữ quỉ Thiếu tài cũng có ba: Một là quỉ lông như kim, lông như kim bén nhọn luôn đâm vào mình. Hai là quỉ lông thú lông bén mà thú. Ba là quỉ có bấu cổ to đầy máu mủ. - Quỉ Đa tài cũng có ba: Một là Khắc khí quỉ, thường được cúng tế các vật dư thừa bỏ đi. Hai là Đắc thất quỉ là thường được ăn đồ dư thừa trong ngõ hẻm bờ đất. Ba là Thế lực quỉ là Dạ-xoa La-sát, Tỳ-xá-xà v.v... rất giàu có vui vẻ giống như trời người. Chánh Lý Luận nói: Các quỉ bản xứ, các cõi Diêm Ma Vương từ đây mà lần lượt tản mát khắp các phương khác. Trường A-hàm nói: Tất cả nhân dân, ở các nhà cửa trong các ngõ hẻm đường xá trong chợ búa quán xá, ở các lò giết mổ và nơi nghĩa địa đều có quỉ thần, không có không (trong). Phàm các quỉ thần đều theo chỗ nường cây lấy đó làm tên. Nường vào người thì có tên người, nường vào thôn xóm thì có tên thôn xóm, nường vào sông thì có tên, tất cả cây cỏ rất nhỏ như cây trúc xe thì đều có quỉ thần nường tựa. Thế Phẩm nói: Quỉ lấy một tháng ở nhân gian làm một ngày, nhân đó mà có tuổi trăng nó sống năm trăm năm ấy là do tâm siểm cuống (nịnh dối) làm tội ngũ nghịch thập ác thấp kém nhập thì đều cảm lấy thân loài quỉ này.

Diêm Ma (Yama) hoặc gọi Viêm La, dịch là Tịnh tức vì hay dứt việc tạo ác và nghiệp bất thiện. Hoặc dịch là giác, tức ngăn không tạo ác. Hoặc gọi Diêm-ma-la. Kinh Âm Nghĩa Ứng nói: Dạ-malô-ca, dịch là song (cả đôi) là tổng ty thế quỉ quan, cũng gọi là Diêm-la Diêm Ma là đối tiếng gọi, cũng gọi là Diêm-ma-la xã, dịch là Song Vương, anh và em gái đều làm chủ địa ngục, anh trị việc nam em gái xét việc nữ nên gọi là Song Vương. Hoặc dịch là khổ vui đều chịu nên gọi là song. - Bà Sa Hiển Dương và chánh pháp Niệm đều nói thuộc về quỉ thú, Du già nói nó thuộc về địa ngục. Lại Du Già Luận hỏi: Diêm-ma vương làm tổn hại hay làm lợi ích mà gọi là Pháp vương? Đáp làm lợi ích chúng sanh, nếu các chúng sanh bị bắt đến chỗ vua thì khiến nhớ nghĩ bèn hiện ra thân giống nó bảo rằng: Ông đã tự làm thì phải chịu quả. Do cảm Na-lạc-ca (?) nghiệp mới lại không chứa nhóm, cho nên nghiệp hết rồi đã thoát Na-lạc-ca mà làm Diêm-ma. Do hay làm lợi ích chúng sanh nên gọi là Pháp vương. Luận nói: Dưới Thiệm Bộ Châu này quá năm trăm du thiện na có nước Diêm-ma vương rộng dài bằng nhau.

Thiểm-đa (Pizàca), dịch là quỉ. Lập Thế Luận: Quỉ đạo tên là

Thiểm-đa, vì vua Diêm-ma-la tên là Thiểm-đa, nó (loài này) cùng vua đồng loại nên gọi là Thiểm-đa.

Xà-lê-di (Carita) dịch là Tổ phụ. Văn Cú nói: Là chúng sanh đầu tiên sanh vào đạo ấy nên gọi Tổ phụ, kẻ sanh sau cũng gọi là Tổ phụ. Diệu Lạc nói: Cũng gọi Tổ phụ của kẻ sanh sau vậy.

Tiết-lệ-đa (Preta), Ứng Pháp sư nói: Gọi đúng là Bế-lệ-đa dịch là Tổ phụ quỷ, hoặc gọi nạ quỷ, ngã quỷ hèn kém kinh Khổng Tước gọi là Tỳ (Bế)-lệ-đa.

Phú-đơn-na (Pùtanà) dịch là Xú nạ quỷ, là quỷ làm bệnh sốt nóng, cũng gọi là Phú-đa-la.

Ca-tra-phú-đơn-na (Katapùtanà) dịch là Ký xú nạ quỷ.

Cưu-bàn-trà (Kuurbhàinda) cũng gọi Bàn-tra, Cưu-bàn-tra dịch là Ung hình. Xứ gọi là Đông qua, Thần này âm như đông qua, đi thì để trên vai, ngồi thì soọc ra tức Yểm mị quỷ, tiếng Phạm là Ô-tô-mạn dịch là Yểm. Tự Uyển nói: Yểm mất trong chẳng rõ Thương Hiệt thiên nói: Phục hợp lòng người gọi là Yểm Luận Hành nói: Nằm chán chẳng thức dậy. Tự bốn gọi là Yểm, người sau thêm vào chữ quỷ.

Tỳ-xá-xà (pisàca) cũng gọi Tỳ-xá-giá hay Tất-xá-giá, hay Tỳ-xá-chi, Tý-xá-chá, dịch là Đạm Tinh Khí ăn nuốt tinh khí người và ngũ cốc. Lương gọi là Diên quỷ.

Tỳ-xá-khư (Vizàkla) hoặc Tỳ-xà-khư, dịch là Biệt-chi, tức là Sao Thị (Chi?) ngày sanh lấy sao trong ngày làm tên.

Di-lặc-đầu-vi-đà-la, dịch là Diệu Thiện Chủ, yểm trừ quỷ.

Di-lặc-đầu-kiền-già-tha, dịch là Thiện Phẩm, chủ cổ độc Tả truyện nói mãnh trùng là cổ. Thuyết văn nói: trùng trong bụng.

Giá-văn-trà, xưa dịch là Tật đố nữ lại gọi là Nộ Thần tức là Dịch Sứ quỷ.

Ô-sô-sắc-ma (Usm?) Tư trung gọi là Hỏa Đầu: Lực sĩ này quán tánh lửa mà được đạo nên lấy làm tên.

Tần-na-dạ-ca (Vinayaka). Xưa nói Tần-na là đầu heo, Dạ-ca là mũi (vòi) voi là hai Sứ giả này.

Ác-kỳ-ni (Agni) hoặc gọi Ta-kiết-lị-đa-da-ni, dịch là Thần lửa. Thư nói đốt nóng vạn vật không gì nóng bằng lửa. Song lửa chứa trong gỗ mà người xưa không biết, cho đến Toại Nhân Thị dùi gỗ làm lửa mà khắp thiên hạ biến sống thành chín.

Bà-dữu (Vàyu), dịch là thần gió. Thư nói quấy trộn vạn vật không gì nhanh bằng gió. Cu-xá nói: Khi an lập khí thế gian thì phong luân (lớp gió) ở dưới cùng, thì biết thế giới này nương gió mà đứng vững. Hai

thần này rút từ kinh Khổng Tước.

Nặc-kiên-na (Nàràyana) dịch là Lộ hình thần, tức là Chấp Kim Cang Lực Sĩ.

Bát-kiên-đề, dịch là kiên cố.

Bà Lý Hãn (Malla) Lương gọi là Lực sĩ. Tiếng Phạm Mạt-na dịch là lực, tức nói lực sĩ. Tiếng Phạm không văn người dịch lập nghĩa.

Na-la-diên (Nàràyana) dịch là Cầu Tỏa Lực Sĩ.

Ma-ni-bạt-đà, dịch là oai phục hành (?)

Phú-na-bạt-đà, dịch là Tập chí thành.

Kim-tỳ-la, dịch là oai như vua.

Tân-đầu-lô-già, dịch là lấp bất động (đứng bất động).

Xa-bát-la-bà, dịch là nhẫn đặc thoát

Đam-ma-bạt-la, dịch là Học Đế Vương

Ma-kiệt-la-bà, dịch là trừ khúc tâm.

Tiêu-ly-mật-đa, dịch là có công huân

Lặc-na-xí-xa, dịch là điều hòa trung bình.

Kiểm-ma-xá-đế, dịch là phục chúng căn (chế phục các căn).

Xa-la-mật-đế, dịch là độc xứ khoái

Tóc-đa-kỳ-lê, dịch là Đại Lực Thiên

Ba-lị-la-hầu, dịch là đồng mãnh tiến

Tỳ-ma-chất-đa, dịch là cao xa

Viêm-ma-lị-tử, dịch là anh hùng đức.

Ba-ha-lê-tử, dịch là oai võ thanh (nhiều uy võ)

Khư-la-khiên-đà (khalaskedha), dịch là Hống như lôi (gầm thét như sấm)

Cưu-la-đàn-đề, dịch là chiến vô địch.

Hê-ma-bạt-đà (Hemavat), dịch là Ứng Hợp Chủ.

Địa-kha (Dirgha), Lương gọi là Trường. Nghĩa Tịnh Dịch Bản gọi là Địa-lặc-già, dịch là trường đại.

Tu-niết-đa-la (Sunetra), Lương gọi là Thiện Nhãn, cũng gọi Tô-nê-đát-la, dịch là Diệu Mục.

Phân-na-kha (Purnaka), Lương gọi là Mãn.

Thiết-đổ-lỗ (Satru) hoặc Thước-đổ-lô dịch là oan gia.

Thường-khởi-la (Samkha) cũng gọi Thương-xí-loa, dịch là loa con ốc

Ha-lị (Hari) cũng gọi Yết-ly, dịch là Sư Tử.

Ha-li-chỉ-xá (Harikeza) cũng gọi Yết-lý-kê-xá dịch là Sư tử phát

Ba-la-phó (Paribhù) cũng gọi Bát-rị-bộ, dịch là tự tại.

Đà-la-na (Dhàrana), đương gọi là Trì, cũng gọi Thích noa, dịch là năng trì.

Thuấn-nhã-đa (Sùnyatà) Cửu sơ nói chưa thấy thành thích phải là Thần Chủ Không - Nhập Lăng Già nói: Sát-ni-ca gọi là không hoặc Khư-đề, Tần gọi là Hư không. Toán Yếu nói: Chỉ thân không tướng thô, cũng có sắc vi diệu. Cho nên Như Lai trong ánh sáng chiếu sáng khiến tạm thấy. Lại Niết-bàn nói: Du hư không bèn lập ba nghĩa: Một là không đổi khác tuyên kim đằng cổ thời di tục hoa, chỉ có hư không này là chẳng biến đổi cho nên Nam Bản ba mươi ba nói: Vì hư không không nên không thuộc ba đời, Phật tánh thường nên không thuộc ba đời Thiên Nam Tử Như Lai đã được Tam Bồ-đề, chỗ có Phật tánh tất cả Phật pháp luôn không biến đổi là nghĩa đó nên không thuộc ba đời. Hai là vô biên tế (không bờ mé) vật phân trong ngoài, không chẳng trong ngoài cho nên không bờ mé. Ba mươi hai nói ta là chúng sanh được khai giải (hiểu rõ) nên nói Phật tánh không trong không ngoài. Vì sao thế, vì phạm phu chúng sanh hoặc nói Phật tánh ở trong năm ấm như có quả trong bình, hoặc nói lìa ấm mà có cũng như hư không, thế nên Như Lai nói ở Trung Đạo, Phật tánh của chúng sanh không phải ở trong sáu nhập, không phải ở ngoài sáu nhập, trong ngoài hợp lại gọi là Trung đạo. Ba là vô quái ngại, vật thể là chất ngại còn không tánh thì hư không (trống không). Ba mươi ba nói: Như chỗ không quái ngại trong thế gian gọi là hư không. Như Lai được Tam Bồ-đề (Chánh giác) rồi ở trong tất cả các pháp không có quái ngại, cho nên nói Phật tánh cũng như hư không. Vô Trước nói: Dụ hư không có ba nhân duyên: Một là khắp tất cả chỗ, nghĩa là ở trong tướng trụ và bất trụ, vì phước sanh. Hai là rộng lớn, cao lớn thù thắng, ba là vô tận, rốt ráo vô cùng. Tịnh Giác nói: Nên dùng khắp mà dụ về giả, rộng dụ cho không, vô tận là dụ cho trung. Lại Lăng Nghiêm nói: Nếu như hư không cũng có tên tuổi hình dạng, hư không là tên, hiển sắc là hình dạng. Cô Sơn giải thích rằng: Như Niết-bàn nói: Không có bốn tên, nghĩa là hư không, vô sở hữu, bất động, vô ngại mạo là thể mạo như tạp tập luận thuyết không một hiển sắc. Cửu Sơ giải thích rằng: Tiểu thừa lấy minh ám làm thể, Đại thừa lấy không một hiển sắc và cực hướng sắc làm thể. Duy-ma Sơ hỏi: Thí dụ hư không này há có chỉ không chẳng thể được khác không? Đáp: Không còn chẳng một há được có hai, nếu ước duyên hết tướng hiển chẳng phải chẳng có khác. Như Đại thừa kinh luận có nghĩa phá hư không, tức có thể lấy thí dụ, chỉ không hiển chẳng thể được không. Ký thích duyên hết, nghĩa là như mây mù duyên hết thì hư không tướng sáng bày ra hoặc thấy vạn



tượng hoặc chỉ thấy không, có thể lấy dụ nhưng chẳng chỉ hai thứ chân. Nay hỏi hư không, không giới hai tên dị đồng. Đáp: Hiển Tông Luận nói: Trong ngoài lỗ trống gọi là không giới, lỗ trống sáng tối hiển sắc sai khác gọi là hư không giới, lỗ trống sáng tối hiển sắc sai khác gọi là hư không giới. Kinh nói: Hư không vô sắc, vô kiến, vô đối sẽ nương vào đâu, song nhờ ánh sáng hiểu rõ. Lại nói về sắc được lìa nhiễm thời đoạn hư không giới. Câu-xá Luận lỗ trống gọi là không giới, nghĩa là khoảng trống các xương gân trong thân người, khoảng trống giữa các tạng phủ là hư không - Thành Thật Luận nói: Vì không của bốn đại có thức trong đó nên gọi là người, đây lấy cái không năng y trong thân gọi là không giới cái nội không của cảnh sở y gọi là hư không. Hỏi hư không vô biên khắp tất cả chỗ. Quang Minh sao nói: Hư không phần giới còn có thể hết bờ cõi (bờ cõi hư không có thể hết). Đáp: Như Lăng Nghiêm nói: Phải biết hư không sanh trong tâm ông cũng như mảnh mây điểm trên hư không (thái hư), ấy vì chúng sanh vọng tưởng tính kể, còn thái hư dứt hẳn linh chiếu đã mê vọng mà thành không, cho nên trái giác mà có giới hạn. Như Thiên Thân nói: Có phân biệt và không phân biệt đều gọi là thức. Có phân biệt thì gọi là thức thức, không phân biệt thì gọi là tợ trần thức. Như Lăng Nghiêm tưởng lắng thành cõi nước tức là tợ trần thức, biết rõ chúng sanh tức là thức thức. Nay thuật tụng rằng:

*Hư không sanh trong tâm ta,  
Tam ta rộng vô bờ bến,  
Vạn thay người trong mê,  
Vì sao tự cột trói?*

A-la-nan-đà (Ānanda) Lương gọi là Hoan hỷ.

Uất-dữu-già-ba-la (Udyogapāla), Lương gọi là Cần Thủ, cũng gọi là Uẩn (ôn) Độc-già-ba-la, dịch là đồng tiến cần hộ.

Cát-gia (Kṛtya) hoặc Cát-giá, gọi đúng là Ngật-lặc-trứ dịch là sở tác (chỗ ra làm) Văn Cú gọi là khởi thi quý, hoặc người hoặc dạ xoa đều có quý này.

Đôn chơn, dịch là Thần nhân.

## 22. SÚC SANH.

Chứa lâu ngu tình, chìm mất huệ tánh, sống nhờ ruộng vườn chịu thân đầy ải nơi biên cương, mang lông xanh trắng bay lượn khoảng không, vẫy vàng quẫy đuôi dạo chơi sóng nước, hình dạng muôn khác khắp ở năm đạo, nay là bàng sanh khiến tu chánh hạnh.

Để-lật-xa, dịch là súc sanh, súc là lục súc. Thể ký chú rằng trâu

ngựa dê chó heo gà. Phụ Hành nói: nhiếp thú (tới lại) bất tận khắp ở trong năm đạo. Lại dịch là súc sanh. Bà-sa nói: Súc là nuôi dưỡng, nghĩa là nó sanh ngang bắm tánh ngu si chẳng thể tự lập, được người khác nuôi dưỡng nên gọi súc sanh.

Đế-ly-da-cù-du-nê-già (Tiryagyonika), dịch là Bàn hành (đi ngang) chúng sanh đạo này có thân đi ngược. Bà-sa nói: hình nó ngang đi cũng ngang. Phán chánh làm hạnh bất chánh nên chịu quả báo ngang, cõng trời mà đi nên gọi đi ngang.

Na-già (Nàga), Tần gọi là rồng. Thuyết Văn nói: Long là loài có vảy mà lớn hay ẩn hay hiện hoặc lớn nhỏ, dài ngắn. Xuân phân thì lên trời, thu phân thì vào đất là thuận. Quảng Nhã nói: Có vảy gọi là Giao long, có cánh gọi là Ứng long, có sừng gọi là Cầu long, không sừng gọi là Ly long, chưa lên trời gọi là Bàn long. Bản Hạnh Tập kinh: Gọi Phật là rồng, nghĩa là thế gian có ái đều xa lìa, các cột trời đều giải thoát, các lậu đã hết nên gọi là rồng. Nên nói Na-già thường ở trong định không có lúc chẳng định. - Trí Luận nói: Như bản thân Bồ-tát từng là Đại Lực Độc Long, nếu chúng sanh ở trước, người thân sức suy kém, mắt thấy liền chết, người thân sức mạnh thì khí hư bèn chết rồng nay thọ giới một ngày một đêm xuất gia cầu tịnh, vào rừng cây ngồi lâu suy tư, biếng lười mà nằm rồng như ngũ thân hình như rắn, thân có lần nét bảy báu nhiều màu. Thợ săn thấy kinh ngạc mừng rỡ bảo rằng: Da này hiếm có dâng lên vua đi trang sức chẳng phải ư? Rồi lấy gậy đá đầu, lấy dao lột da. Rồng tự nghĩ sức ta như ý, lật ngược nước này như trở bàn tay, kẻ này là vật nhỏ đâu có thể làm khổ ta. Ta nay vì trì giới nên chẳng kể thân mạng này, phải theo lời Phật do đó mà tự nhẫn nhịn, nhắm mắt chẳng nhìn đóng khí dứt hơi thương xót người này một lòng chịu lột da chẳng hối tiếc. Bị lột da rồi thịt đỏ bày ra đất. Lúc đó trời rất nóng lăn lộn trong đất muốn chui vào nước, thấy các trùng nhỏ kéo đến ăn thịt, vì giữ giới nên chẳng dám cự mình. Tự suy nghĩ rằng: Ta nay đem thân này thí cho các côn trùng vì Phật Đạo vậy. Nay thí thịt này để tất cả đều no đủ. Sau này thành Phật sẽ dùng pháp thí mà làm lợi ích cho tâm chúng. Thề xong thì thân khô mạng chết, liền sanh lên trời Đạo-lợi. Độc long khi đó là Phật Thích-ca người thợ săn lúc ấy là Điều Đạt và Lục Sư vậy. Các trùng nhỏ là tám vạn chư thiên khi mới Chuyển pháp luân thì được Đạo là đó.

Cung-tỳ-la (Kumbhira), dịch là giao ? vảy thì gọi là giao long. Bảo Phát Tử nói: Rồng mẹ gọi là Giao, rồng con gọi là Cầu. Sơn Hải kinh nói: Giao giống rắn mà có bốn chân, đầu nhỏ cổ nhỏ.

Thúc-thúc-la (Sizumàra) dịch là cầu. Phù Thụy Đồ nói: Thời Huỳnh Đế có cầu long, mình đen không vảy lưng có chữ tên.

Tăng-già-bỉ (Simha) hoặc Tợ-đa, dịch là Sư tử. Đại Luận nói: như vua Sư Tử sanh trong dòng giống Thanh Tịnh, ở trong hang sâu núi thẳm, càm vuốt xương to thân béo mập đầu lớn mắt to đẹp đẽ sáng sạch, mày cao mà rộng nanh bén trắng sọc miệng mũi vuông lớn đầy đặn, răng chắc kín bén lưỡi trắng miệng đỏ, hai tai vểnh cao bờm tóc nhuận sáng, thân tiên rộng lớn, da thịt rắn chắc, eo nhỏ bụng chằng hiện, đuôi dài móng bén, thân đứng vững chắc, thân dùng sức mạnh từ chỗ đứng phát ra, uống mình nhả mày lấy miệng cào đất, hiện oai thế lớn ăn chẳng quá giờ, bày tướng chào buổi sáng biểu thị sức vua Sư tử. Lại Đại Luận nói: Phật nói Bản Sự có Sư tử đến Phật bảo Sư tử ấy từ thời Tỳ-bà-thi Phật làm thầy Sa-môn, thấy Phật nói pháp liền đến chỗ Phật. Khi ấy đại chúng vì nghe pháp nên không cùng nói năng, Sa-môn liền sanh ác niệm liền mắng chửi rằng đám người này khác nào súc sanh chẳng phải người tốt chẳng biết nói năng. Vì nghiệp ác đó nên từ thời Phật Tỳ-bà-thi đến nay đã chín mươi mốt kiếp luôn làm loài súc sanh. Người này lúc đó đáng được đạo nhưng vì ngu si nên phải chịu (tự thọ) sanh tử dài lâu. Nay ở chỗ Phật vì tâm thanh tịnh nên được giải thoát. Tân Hoa Nghiêm nói ví như Sư tử lớn rống lên các sư tử con nghe thấy thấy đều mạnh mẽ, tất cả cầm thu đều trốn lánh xa. Sư Tử Phật rống lên các Bồ-tát nếu nghe tiếng mà khen ngợi tâm Bồ-đề, nuôi lớn pháp thân, vọng thấy chúng sanh, tiếm phục thối tán. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Sư tử hăng hái ví như hiển bày pháp. Như Sư Tử ở đời hăng hái là vì hai việc: Một là cào chụp bụi đất, hai là phóng chạy qua lại (chân trước) nhanh nhẹn khác với các thú. Tam-muội này cũng thế. Một là diệt trừ các chướng, định lại các hoặc vi tế vô tri, hai là hay vào địa ngục nhanh chóng. Quảng Nhã nói là phẫn chấn. Lại tiếng Phạm gọi Tê là như hình tướng sư tử.

Ổ-ba-tăng-ha (Upasimha) hoặc Ưu-bà-tăng-già. Lương gọi là Tiểu sư tử lại gọi là toan nghê tức sư tử. Nhĩ Nhã nói toan nghê như tan miêu, ăn như hổ báo chú rằng tức sư tử (rút từ Tây Vực) Đại Luận hỏi: Vì sao gọi là Sư Tử Tòa? Đáp: Gọi Sư Tử thật không phải là Sư Tử, Phật là Sư Tử trong loài người, chỗ Phật ngồi là giường hay đất đều gọi là Sư Tử tòa.

Già-đa (Gaja) hoặc Na-già, hoặc Na-tiên dịch là voi. Dị Vật Chí nói voi là thú hình thể cao (sừng sừng), thân to gấp mấy trâu, mắt chẳng hơn mắt heo, mũi là miệng dịch vọng đầu như đuôi, dễ dạy hiền lành

biết nghe lời, nói liền quì, ngà trắng như ngọc mang vào làm đẹp, mang nặng đi xa. Đường Trang Tam Tạng Truyện nói: Tây Vực có già lam (chùa) so Sa-di coi giữ. Tương truyền xưa có Bí sô cùng bạn đồng học xa đến lễ bái thấy voi đem hoa đặt trước tháp, rồi lấy ngà cắt cỏ lấy vôi tưới nước chúng thấy đều khen. Có một Bí sô bỏ Đại giới nguyện ở lại cúng dường, bảo mọi người rằng: Coi là súc sanh còn biết kính tháp ta là loài người há thấy hoang tàn mà không thờ cúng. Bền cất nhà ở đất hoang trồng hoa trồng quả nóng lạnh cũng không chán mệt. Nước bên cạnh nghe thấy cùng lập già lam, nhưng không biết việc Tăng bèn làm như cũ. Đại Luận nói: Như voi chúa nếu muốn quay mình thì xem đứng lúc toàn thân đều quay có tướng đại nhân, thân tâm chuyên nhất, nếu có chỗ quán thì thân tâm đều về.

Yên-la-na (Erandapattra) Y-la-bát-đa-la hoặc gọi Hương diệp là tên của Đế-thích Tượng Vương, thân dài chín do tuần, cao ba do tuần.

Cù-ma-đế (Gova). Dịch là trâu. Dị nói: Cỡi ngựa ngồi trâu chở nặng đi xa. Chú rằng: Giá tướng chi tư. Thùy Dụ Ký Xiêm nói: Đại Luận nói Phóng Ngưu Nan-đà hỏi Phật có mấy pháp thành thực hay khiến bày trâu phiên tức có mấy pháp không thành thực khiến bày trâu chẳng Tăng chẳng được an ổn? Phật đáp: Thả trâu có mười một việc, tụng rằng:

*Giải sắc cùng tương ưng,  
Ma loát phúc sang di  
Đốt khói và cỏ ngon,  
An ổn và độ xứ (chỗ đi qua?)*

Thời nghi (đúng lúc) lưu thủ dư (chăn giữ),

Giữ gìn trâu lớn. Tỳ-kheo cũng như thế: Biết bốn đại tạo sắc, khéo phân biệt tướng ngu trí, ma loát sáu tình căn, khéo che mười tướng thiện truyền chỗ tụng làm khói, bốn ý ngăn cỏ ngon, mười hai chỗ an, tám Thánh đạo chỗ qua, chớ nhận lời thỉnh khinh tiện, gọi là biết thời nghi, tri túc là lưu dư, kính hộ là tướng hộ. Mười một việc này tức phụ sự quán tâm của Tiểu thừa. Kinh Thí Dụ nói: Xưa có hai anh em chí và ý nghĩ khác nhau. Anh bảo em rằng: Ông ham việc nhà cho tiền là quý, ta thích kinh đạo cho huệ là quý, nay ta muốn bỏ nhà qui mạng về phước điền (qui y Phật). Anh bèn xuất gia ngày đêm tinh tấn mà được thành đạo quả. Người em ham việc nhà chết rồi đọa làm trâu mập mạnh to lớn, khách mua về chở muối, vãng hoàn doanh đốn chẳng thể lên trước. Người anh đi trên hư không xa thấy trâu bèn dùng oai thần khiến em tự biết bèn vì trâu mà nói ngọn ngành. Người khách mua trâu bèn thả trâu

vào chùa, người anh thường đến nuôi dưỡng, chết rồi sanh lên Đao-lợi.

Khiết-già (Gauda), dịch là tên ngư. Nhĩ Nhã nói là vật đẹp ở phương Nam là Tê tượng trên núi Lương. Chú rằng: Tê Ngư có da sừng, voi có ngà xương. Lại nói: Tê giống heo. Chú rằng: hình dáng giống trâu nước.

A-thấp-bà (Azva) dịch là ngựa. Hán Thư Tây Vực Truyện nói: nước Đại Uyển có núi cao trên đó có ngựa chẳng thể được nhân lấy ngựa mẹ năm màu để ở dưới (đem xuống) cùng tập hợp cho sanh ngựa con đều là hãn huyết (đều mờ hôi máu?) nhân đó gọi ngựa trời. Lý Bạch Lạc tự Tôn Dương đi đến núi Ngu gặp xe muối đến, có một Long mã mà người chẳng biết dùng kéo xe muối, xa thấy Bách Lạc liền đem ghé ngồi đổi ngựa, ngày đi ngàn dặm. Hoài Nam Tử nói: Tân Mục Công bảo Bạch Lạc rằng Ông có sai người tìm ngựa chẳng? Đáp rằng: Ngựa chẳng ở hình dung, gân xương là tướng. Ngựa trong thiên hạ hoặc giảm hoặc mất, con của Thần đều hạ tài khả cáo, ngựa của thiên hạ có gánh cột bó củi, chín phương nhân kỳ ư mà không phải bậc dưới của thần. Tìm ngựa ba tháng mà về bảo đã được ngựa, tại gò cát con đực màu vàng, và ngựa đến thì con cái là Ly. Ông bảo Bách Lạc rằng: Ngựa ông tìm về sắc lông đực cái chẳng biết mua bán. Bách Lạc thử dài bảo đến thế này ư? Nhân mà thấy được là Thiên cơ, được cái tinh mà quên cái thô, thấy trong mà quên ngoài, quả là thiên lý mã vậy. Kinh A-hàm, Phật bảo Tỳ-kheo rằng: Có bốn thứ ngựa: Một là thấy bóng roi thì liền sợ, hai là roi chạm lông mới sợ, ba là chạm thịt mới sợ, bốn là thấu xương mới biết. Một là mới nghe có người chết ở xóm khác liền sợ, hai là nghe có người chết ở xóm mình liền sanh chán, ba là như nghe người thân mình chết mà sanh chán sợ, bốn là thân mình bệnh khổ mới sợ. Kinh Niết-bàn đem bốn ngựa dụ cho sanh lão bệnh tử. Hoặc gọi Bà-ha-la dịch là lông dài.

Mật-lị-già-la (Mrga) dịch là nai.

Maḍa (Matr) dịch là mẹ.

Bạt-la-bà-đà (Pràsàda) dịch là Đường (nhà).

Tất-già-la (Srgàla) dịch là giả can, giống chồn mà nhỏ hơn màu xanh vàng như chó, đi từng bảy ban đêm kêu như sói Quách Phác nói: Xa can ưa duyên (leo lên cần) với cây. Quảng Chí nói: Ở trên ở trên cây cao nhất. Đại luận nói: Ví như giả can nửa đêm vượt thành vào sâu nhà người tìm thịt chẳng được bèn trốn ngủ mà chẳng biết trời sáng sợ quá cho là không thoát khỏi, liền định tâm giả chết nằm lăn ra đất. Mọi người đều thấy. Có một người đến bảo ta cần cái tai của nó nói xong

liền cắt đi. Giả can tự nghĩ cắt tai tuy đau nhưng miễn là còn thân. Có người đến bảo ta cần cái đuôi rồi liền cắt đi, lại có người bảo ta cần răng nó. Giả can tự nghĩ người lấy càng nhiều nếu lấy đầu ta ắt là không thể sống, liền từ đất chỗi dậy dùng hết trí lực phóng ra cửa mà được thoát. Tâm hành giả cầu thoát khổ nạn cũng như thế, sanh chẳng tu hành như mất tai, già chẳng tu hành như mất đuôi, bệnh chẳng tu hành như mất răng, đến chết chẳng tu như mất đầu. Phù Hành Ký nói: Chồn là thú một tên là giả can, đa nghi khéo nghe. Nhan Sư xưa chú thích Hán thư rằng: Chồn là thú tánh rất đa nghi, mỗi khi qua sông băng nghe ngóng rồi mới qua, nên nói là nghi mà gọi là chồn nghi. Thuật Chinh Ký nói: Gió bắc thổi sông băng hợp chồn cần phải đi, vật này khéo nghe dưới băng không có tiếng rồi mới qua sông. Thuyết Văn nói: Chồn yêu là thú quý kế thừa có ba đức, sắc nó trung hòa trước nhỏ sau lớn, chết thời đầu gò. Quách Thị Huyền trung Ký nói: Chồn ngàn tuổi là đâm phụ chồn trăm tuổi là mỹ nữ. Song Pháp Hoa nói: Chồn, sói, giả can giống như ba thứ khác nhau. Tổ Đình Sự Uyển nói: Giả can mình nhỏ mà đuôi lớn, chồn thì mình to. Thiên Kinh nói: Thấy một chồn hoang lại thấy giả can nên biết là khác.

Ma-tư-tra (Markata) hoặc gọi Ma-ca-tra, Mạc-ca-tra. Dịch là Mi hầu (khỉ). Bản Hạnh Kinh nói: Ta nghĩ thuở xưa trong biển có một Đại cầu (rồng lớn) vợ nó có thai nghĩ muốn ăn tim khỉ. Chồng bảo việc này rất khó, ta ở trong biển còn khỉ ở trên núi. Nàng ráng nhịn chờ ta đi tìm. Lúc đó rồng lên bờ thấy khỉ trên cây, khéo nói mà kết làm bạn, ta dắt bạn qua biển, bờ bên kia có rừng lớn, có nhiều hoa quả, bạn cứ ngồi trên lưng tôi. Khi nghe theo lời rồng cùng xuống nước. Rồng liền bảo vợ ta mang thai muốn ăn tim bạn nên ta dắt đến đây. Khỉ bèn nói gạt rằng: Sao không nói trước tim ta còn để trên cây ta la chẳng mang theo đây. Bạn đưa ta về đợi ta lấy tim đem đến. Rồng bèn ghé bờ khỉ nỗ lực chạy mau lên cây. Đợi lâu rồng bảo xuống mau khỉ nói kệ rằng: Rồng kia tính toán rộng mà tâm trí nghĩ rất hẹp, người chỉ nghĩ theo ý mình, tất cả các loài ai chẳng có tim. Kinh Sáu Độ cho cầu là ba ba.

Xá-xá-ca (Sázaka) dịch là thỏ. Hàn Tử nói: Người Tống cày ruộng trong ruộng có cây, thỏ chạy đến đụng cây gãy cổ mà chết. Người này nhân bỏ ruộng mà ôm cây đợi được thỏ. Người đi đường bèn cười chê. Tây Vực Ký nói: Kiếp xưa có chồn, thỏ, khỉ khác loại mà cùng vui. Lúc đó trời Đế-thích muốn chứng nghiệm hạnh tu Bồ-tát bèn hiện thân biến hóa làm một cụ già bảo ba thú rằng: Máy vị an ở chử, không lo sợ gì chử? Đáp: Dạo chơi cây cỏ xinh tươi khác loài mà cùng vui rất là an lạc.

Cụ già nói: Hai mấy vị tình hậu ý kín mà quên già xấu nên tôi từ xa đến tìm. Nay gặp lúc đói kém có gì cho ăn. Đáp rằng: Đợi chút ta sẽ cung cấp. Do đó cùng lên đường tìm kiếm. Chồn theo bờ nước bắt được một con cá tươi, khỉ lên rừng hái hoa quả lạ cùng về đem dâng cụ già, chỉ có thỏ thì về không. Cụ già gọi bảo ta xem thấy người chưa hòa đồng, chồn khỉ đều đồng chí có tâm phục dịch chỉ có thỏ là về không chẳng có gì. Do đó thật biết rõ. Thỏ nghe chên bèn bảo chồn, khỉ rằng: Đa tạ tiểu tô mới có việc làm khỉ, chồn tranh nhau đem cỏ cây đã đủ lửa dữ đốt cháy. Thỏ nói: Này nhân giả, thân tôi hèn kém chỗ cầu khó toại lòng, xin đem thân bé nhỏ này hiến, làm một bữa ăn. Nói xong thì nhảy vào lửa mà chết. Lúc đó cụ già hiện lại thân Đế-thích đẹp tro thân nhật hải cốt thỏ thương khó rất lâu, bảo chồn, khỉ rằng: Sao đến nỗi này ta cảm động chẳng mất dấu, bèn gọi xương thỏ lên mặt trăng truyền mãi đời sau.

Hạt-li-noa (Harina) nói chung về loại nai.

Ca-lăng-tần-già (Kalavimka) dịch là Diệu thanh điệu. Đại Luận nói: Như chim Ca-lăng-tần-già còn ở trong trứng chưa nở đã phát ra tiếng hay hơn các chim khác. Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Núi tên khoáng giả trong đó có nhiều chim Ca-lăng-tần-già phát ra những tiếng hay, tiếng hay đó hoặc trời hoặc người Khẩn-na-la đều không bằng được chỉ trừ có tiếng của NhưLai.

Ca-lan-đà (Karanidava) dịch là hào thanh điệu, mình như chim thước đậu thành bầy ở Trúc Lâm hoặc gọi là chuột đu như nói sau:

Câu-kỳ-la (Kokila) hoặc Câu-xí-la, dịch là hảo thanh điệu, tiếng hay mà mình xấu, lại gọi là tư âu.

Tư-na-dạ (Syena) dịch là ưng (chim ưng). Nhĩ Nhã nói: Ưng chuẩn (cắt) xấu bay giỏi. Huy Chú nói: Vỗ cánh rất nhanh. Khổng Thị Chí Quái nói: Khi Sở Văn Vương còn nhỏ rất thích đi săn bắn, trong thiên hạ có chó nhanh ưng giỏi đều bắt về. Có người hiến chim ưng bảo đây không phải là đám ưng của vua đâu, chợt ở chân mây có một vật trắng trắng nhấp nháy, ưng liền bay vọt lên nhanh như chớp, phút chốc lướt như mây, máu chảy như mưa, lúc sau thì một con chim lớn rơi xuống đất mà chết, đo hai cánh rộng mấy mươi dậm, bên mỏ có màu vàng không ai biết là gì. Khi ấy Bác vật quân tử nói đây là Đại Bàng Sồ, mới biết bay nên bị chim ưng bắt. Văn Vương bèn trọng thưởng người hiến ưng. Lại nói chuẩn (chim cắt), dịch nói Vương Xuyên bắn chuẩn ở cao đường. Khổng Dĩnh Đạt nói: Chuẩn là chim tham tàn thuộc loại chiêm diêu (chim dữ). Ngọc Thiên nói: Là loài chúc cừ. Nhan Sư Cổ nói: Chuẩn chấp điệu tức nay là chim hộc. Lưu Hưởng cho là chuẩn gần với

hắc tường là loại tham bạo.

Thao-đà (Suka) hoặc gọi Thúc-ca-bà-hy, dịch là anh vũ (chim kết) Thuyết Văn nói: Chim nói được. Sơn Hải Kinh nói: Núi Huỳnh và núi Số Lịch có chim này giống như con ngọc, lông xanh mỏ đỏ, có thể nói tiếng người gọi là anh vũ. Khúc Lễ nói: Anh vũ hay nói chẳng lia chim bay, tinh tinh nói được mà không rời cầm thú, người mà vô lễ cũng tâm cầm thú. Kinh Tạp Bảo Tạng nói: Quá khứ ở núi Tuyết có một anh vũ cha mẹ đều mù thường đem hoa quả mà dâng cha mẹ. Lúc đó có điền chủ trước khi trồng lúa nguyện cùng chúng sanh cùng ăn anh vũ ở ruộng thường ăn lúa. Điền chủ đi tuần tra thấy bông lúa bị cắt liền quăng lưới bắt được anh vũ, chim bảo điền chủ rằng: Trước có tâm thí nên mới đến hái sao nay đem lưới bắt. Điền chủ hỏi chim lấy lúa cho ai, đáp có cha mẹ mù nên đem dâng. Điền chủ nói từ nay về sau cứ lấy chớ nghi nan v.v... Phật nói chim anh vũ lúc ấy chính là thân ta đó, điền chủ lúc ấy chính là Xá-lợi-phất vậy.

Tăng-ta (Hamsa) hoặc Tuyên ta. Đường gọi là nhạn. Lễ Ký nói: Tháng cuối thu hồng nhạn bay đến làm khách. Thi Truyện nói: Lớn gọi là hồng, nhỏ gọi là nhạn. Thành Công Phú nói: Trên bay đến Đơn Hà, dưới nháy qua thanh tuyền. Tây Vực Ký nói: Xưa già lam này chứa tạm dạy người học Tiểu thừa nên mở cho ăn tam tịnh nhục, mà già lam này tuân theo không đọa, sau tam tịnh tìm chẳng được. Có Bí sô đi kinh hành bỗng thấy bầy nhạn bay lượn bảo đùa: Ngày nay chúng Tăng ăn chẳng no Ma-ha-tát-đỏa biết đúng lúc. Nói chưa dứt thì nhạn bay lui ở trước Tăng gieo mình tự vẫn. Bí sô thấy rồi bạch rõ với chúng Tăng, người nghe đều thương cảm, cùng bảo nhau rằng: Như Lai lập pháp dạy dỗ tùy cơ, chúng ta ngu si mà tuân giữ tạm giáo, Đại thừa là chánh lý, phải đổi lỗi trước mà theo thánh chỉ (ý Phật). Chim nhạn này nêu giới để dẫn dắt, phải lập tháp thờ để nêu đức rồi đem nhạn mà chôn trong tháp. Có người gọi là phù nhạn. Nhĩ Nhã nói: Phù nhạn xấu chân đề đá, giữa có chân có màng để bơi. Cổ Kim Chú rằng: Phù nhạn thường ở bãi cát trên biển ăn cát đá đây không phải là Dương Nhạn. Lý Tuần nói: Ngoài đồng gọi là phù, trong nhà gọi là vụ (vịt trời).

Ca-tăng-ám-la (Kapimjala) dịch là trĩ. Nhĩ Nhã nói: Trĩ có sức, đánh nhau rất dữ phân ra sáu thứ, bốn phương có tên khác nhau. Tấn Võ đóng kho thật kín, trong đó bỗng nghe tiếng trĩ kêu. Trương Hoa nói: Ất là rắn hóa ra, mở cửa thì thấy bên cạnh có da rắn lột. Đại Luận nói: Có người Diêm-phù-đề chẳng biết lễ kính người xưa có đức. Lúc đó Bồ-tát làm chim Ca-tần-xa-la có hai bạn thân là voi và khỉ cùng ở dưới



cây Tất-bát-la, cùng hỏi nhau rằng: Chúng ta chẳng biết ai là lớn. Voi nói: Ta xưa thấy cây dưới bụng ta. Khỉ nói ta từng ngồi soạc tay nắm đầu cây. Chim nói ta từng ở rừng Tất-bát-la ăn quả cây này, hạt theo phân ra mà mọc lên cây này trước sanh đức xưa lẽ phải cúng dường. Khi ấy lưng voi lớn công khỉ, chim đậu trên khỉ đi khắp một vòng, cầm thú nhân loại thấy đều kính trọng. Đây là Thánh nhân biết đạo đức nhân nghĩa không lẽ thì chẳng thành cho nên kính bậc trưởng thượng là lẽ thuận thiên hạ.

Cứu-cứu-la (Kukkuta) dịch là tiếng gà gáy. Cứu-cứu-tra, dịch là gà. Dị Lâm nói: Tồn là gà, gà gáy đúng thời tiết nhà vui không lo âu. Tây Kinh Tạp Ký nói: Thời Thành Đế nước Giao Chỉ Việt Thường hiến gà gáy tiếng dài để làm đồng hồ, đúng mức không sai Điền Nhiêu Phu nói: Phàm gà đội mào văn, chân mang cựa võ, đánh nhau mạnh mẽ, được (thắng) cũng ăn nhau, gáy chẳng sai lúc. Gà có năm đức, ông cũng nấu mà ăn, là nguyên do gần. Lăng Nghiêm nói: Như gà gáy rồi nhìn về phương Đông đã có tinh sắc. Trường Thủy giải thích rằng: Gà gáy lần hai trời sắp sáng. Cô Sơn Thích nói: Ba đức Niết-bàn gọi là Nghĩa Thiên, trước thọ tướng hết rồi giống chúng còn xa như gà gáy lần đầu, sắc trời cũng còn tối. Nay Hành Ấm hết chỉ còn thức ấm sáng ngộ không còn lâu như gà gáy lần hai, trời có tinh sắc. Tề Nhan Chi suy rằng: Thời nhà Lương có người thường dùng lòng trắng trứng gà để tắm khiến tóc đen mượt khi tắm thì dùng hai, ba mươi trứng. Khi chết chỉ nghe trong tóc có tiếng ò o của mấy ngàn gà gáy.

Chiết-ca-la-bà (Cakravàka) dịch là uyên ương, thuộc loài chim, đậu thì gần nhau, bay đi sánh đôi. Diệu Dụ Phẩm nói: Một là Ca-lân-đê, hai là uyên ương đi ngừng đều cùng có nhau không rời xa. Nay Sư Thích nói: Lấy con trống dụ cho thường, con mái dụ cho vô thường, sanh tử có tánh thiện, thường tức vô thường như hai chim cùng bay cao ấy thì cao thấp trống mái đều cùng, cùng bay cùng nghỉ nghĩa nó đều thành.

Kỳ-bà-kỳ-ba-ca (Jivajivaka) dịch là Sanh Thắng Thiên Vương, gọi là sanh sanh, hoặc dịch là mạng. Pháp Hoa gọi mạng mạng. Tạp Bảo Tạng kinh nói: Núi tuyết có chim tên là cộng mạng, một mình hai đầu, thức thần đều khác, cùng một báo mạng nên gọi là mạng mạng Phật Bản Hạnh Kinh, Phật nói: Thuở xưa núi Tuyết có chim hai đầu một đầu gọi là Ca-lâu-trà (Garuda), một đầu gọi là Ưu-ba-ca-lâu-trà (Upagaruda), có lúc đầu Ưu-ba-ca-lâu-trà nhắm mê thì đầu kia thức. Có cây Ma-đầu-ca gió thổi hoa rụng bay đến đầu thức kia đầu ấy tự nghĩ: Tuy riêng ăn hoa nếu vào bụng thì đều được sắc lực, chẳng khiến nó

thức bèn làm thính ăn hoa. Cái đầu ngủ kia thức dậy bụng no đầy ho ợ hơi ra hỏi chỗ nào mà được thức ăn ngon này. Đầu thức kể đủ, đầu ngủ ôm ân. Sau đó đi dạo gặp cây hoa độc nghĩ ăn hoa này khiến hai đầu cùng chết. Lúc đó đầu Ưu-ba-ca-lâu-trà bảo đầu Ca-lâu-trà rằng: Ông nay ngủ đi để ta thức, đầu kia vừa ngủ, liền ăn hoa độc. Khi Ca-lâu-trà thức biết khí độc hỏi thức ăn nào ác (xấu) thế khiến ta chẳng an đầu Ưu-ba nói ăn hoa độc này nguyện cùng chết. Do đó đầu kia liền nói kệ rằng:

*Ông ngày xưa khi ngủ  
Ta ăn hoa có vị ngon ngọt,  
Hoa ấy gió thổi rơi bên ta,  
Ông lại nổi giận dữ.*

Phàm người ngu nguyện chớ gặp, cũng nguyện không cùng người ngu ở chung ở chung với người ngu chẳng có lợi ích gì, tự làm hại mình lại hại người khác. Phật nói chim Ca-lâu-trà tức là thân ta, chim Ưu-ba tức là Đề-bà-đạt-đa vậy.

Xá-lị (Sari) dịch là xuân cù, Hoàng Ly. Thi nói: Ra từ hang tối, bay đến kiêu mộc. Lại dịch là Thu Lộ. Ngọc Thiên nói là chim nước. Thi nói: Có thu ở Lương Lộ, Nhĩ Nhã gọi là bạch lộ (cò trắng) đầu cánh lưng đều có lông dài. Thi nói: Ôn ào cò bay.

Xá-la (Sala) dịch là bách thiết điều.

Ca-bố-đức-ca (Kapotaka) hoặc gọi Ca-bộ. Đường gọi là cáp (bồ câu?) Tây Vực Ký nói: Xưa Phật ở đây vì chúng nói pháp. Thợ lưới giăng lưới trong rừng bắt loài có cánh một ngày không bắt được bèn đến chỗ Phật lớn tiếng hỏi rằng: Hôm nay Như Lai ở đây nói pháp, khiến ta bắt không được chim vợ con đói khát, ông lại ngồi yên. Như Lai bảo rằng: Ông nay đốt lửa sẽ cùng (cho) ông ăn. Lúc đó Như Lai hóa làm bồ câu lớn nhảy vào lửa mà chết, thợ lưới đem về vợ con cùng ăn. Sau đó lại đến chỗ Phật, Như Lai phương tiện nhiếp hóa thợ lưới nghe pháp hối lỗi đổi mới, bỏ nhà tu học liền chứng quả Thánh. Nhân đó gọi là Cáp già lam.

Ma-du-la (Mayūra) dịch là khổng tước, sè cánh mà lượn Câu-xá nói: Một loài khổng tước là Nhất thiết chủng nhân tướng (là tướng trông ta cả nhân) không phải trí cảnh giới khác, chỉ Nhất Thiết Tư mới biết. Chứng Chân Thích nói: Hữu tình huân từ vô thủy tạo tất cả giới thú chủng tử ở trong bản thức, chỉ co Phật mới biết. Lại chỉ nêu một loại khổng tước còn khó biết thay.

A-lê-da. Dịch là si (cú mèo). Nhĩ Nhã gọi cuống mâu si. Xá nhân

gọi là cuống, một tên là mâu si, thích ăn chuột, mắt rất to. Quách Phác nói: Nay là cừ si giống chim ưng mà trắng.

Cật-lật-đà (Grdhra) dịch là thúu (chim cắt) hoặc gọi Yết-la-xa, dịch là điểu thúu. Sơn Hải Kinh nói: Cảnh sơn có nhiều thúu. Thuyết Văn nói: Chim thúu màu đen có nhiều con. Sư Khoáng nói: Núi Nam có chim tên là khương thúu, đầu vàng cổ đỏ năm sắc đều đủ. Tây Vực có nhiều chim này xanh vàng mắt đỏ ăn thây chết.

Tỳ-ranoa-yết-xa-bà (Kacchapa) dịch là qui (rùa). Nhĩ Nhã nói: Có mười giống rùa. Trang Tử nói: Tông Nguyên Quân nằm mộng thấy người đội tóc bảo: Ta là Thanh giang là Sứ giả của Hà bá, bị người đánh cá là Dự Thả bắt được. Nguyên Quân sai người xem quẻ bảo đây là thần rùa bèn mời Dự Thả. Dự Thả bắt được rùa trắng năm thước bảo đem hiến, bèn mổ ra được bảy mươi toản mà không sót sách. Trọng Ni nói: Rùa báo mộng được với Nguyên Quân mà chẳng thể tránh được lưới của Dự Thả, trí hay bảy mươi Toản mà không sót sách nên chẳng tránh được nạn bị mổ ruột. Như thế thì Trí có do Thần, Trí có chỗ chẳng bằng. Pháp Cú Kinh nói: Xưa có Đạo sĩ ở bên bờ sông học đạo, chỉ nghĩ sáu trần, tâm không yên nghĩ rùa từ sông lên bờ, chó liền sủa cắn rùa, rùa thụt cả đầu đuôi và bốn chân vào trong, chó chẳng làm gì được bèn bỏ đi thì rùa lại thò ra, liền bò vào nước. Ta chẳng bằng rùa buông lung theo sáu tình chẳng biết chết đến.

Ma-kiệt (Makara) hoặc Ma-già-la, dịch là kinh ngư, con đực gọi là kinh, con cái gọi là nghê, con lớn dài hơn mười dặm (ca ông?). Đại Luận nói: Năm trăm lái buôn vào biển tìm châu, gặp cá chúa Ma-kiệt hả miệng thuyền đi rất nhanh, chu thuyền hỏi Lâu Thượng Nhân có thấy gì không? Đáp: Thấy ba mặt trời và núi trắng lớn, nước chảy mạnh như lọt vào hố lớn. Chủ thuyền bảo: Ba mặt trời: Một là mặt trời thật, hai là mặt cá, núi trắng lớn là răng cá nước chảy mau là miệng cá, chúng ta gặp chết rồi. Lúc đó người trong thuyền đều nói việc đó không chỗ nghiệm. Trong đó có một Ưu-bà-tắc bảo mọi người rằng: Chúng ta phải nên niệm danh hiệu Phật, Phật là Vô thượng cứu khổ tai ách mọi người cùng nhất tâm niệm Nam mô Phật, vì cá đời trước từng thọ năm giới được túc mạng trí nghe danh hiệu Phật liền tự hối lỗi, cá liền ngậm miệng cứu sống mọi người. Trang Tử nói: Cá nuốt ghe mất nước thì bị kiến mối ăn thịt.

Kỳ-di gọi đủ là Đế-di-kỳ-la, dịch là cá thân lớn, có bốn loại, loại nhỏ nhất là kinh Phòng Dị Truyện nói: Ở biển thường thấy cá lớn người tà tiến hiền nhân sợ.

Thất-thâu-ma-la (Sisumàra). Thiện Kiến nói: Cá ngạc dài hơn hai thước, lại dịch là cá giết con, có ở Quảng Châu.

Tý-tỳ-lý (Dipilika) dịch là kiến con. Tấn Thư cha của Ân Trọng Kham bệnh lỗ tai nghe dưới giường có kiến động bảo trâu đấu. Kinh Hiền Ngu nói: Trưởng giả Tu Đạt cùng Xá-lợi-phất đến xem hình tinh xá Tu Đạt tự tay cầm một dây dây Xá-lợi-phất cầm một đầu cùng đo tinh xá. Lúc đó Xá-lợi-phất vui mừng mỉm cười. Tu Đạt hỏi Tôn giả cười gì? Đáp: Ông trước đây đo đất trong trời Lục Dục cung điện đã thành, tức nhờ Đạo Nhân mà thấy trời Lục Dục cung điện nghiêm tịnh, lại kéo dây đo. Lúc đó Xá-lợi-phất bỗng nhiên buồn rầu. Liên hỏi Tôn giả vì sao lo buồn. Đáp: Ông nay thấy trong đất này có bầy kiến chăng? Đáp: Thấy Xá-lợi-phất nói ông ở quá khứ thời Phật Tỳ-bà-thi cũng ở đây mà lập tinh xá, mà con kiến này cũng sống ở đó đến nay bảy Phật đã qua, ông đều vì Phật mà tạo dựng tinh xá mà con kiến này cũng ở trong đó. Đến nay đã chín mươi một kiếp mà vẫn chịu một thân kiến này không được giải thoát. Sanh tử dài lâu chỉ có phước là cần yếu lại chẳng thể trồng. Nhĩ Nhã nói: Có chân thì gọi là trùng, không chân thì gọi là trĩ (loài bò sát) hai chân mà có lông vũ thì gọi là cầm (chim), bốn chân có lông mao thì gọi là thú, trùng cá chim thú chủng loại sau cùng, núi nước không đất liền cảnh giới không bờ cõi, xoay vần nhậm nhiệm, trục vật cuồng ngu một niệm sáng lên thì vạn loại đều dứt hết, phải chiếu xét bản tánh chớ khởi ý lạ.

### 23. ĐỊA NGỤC.

Phụ Hành nói: Địa ngục từ nghĩa lập tên, tức là ngục ở dưới đất gọi là địa ngục. Cho nên Bà-sa nói: Dưới Thiệm bộ châu quá năm trăm du thiện na bèn có ngục. Song địa ngục này có lớn có nhỏ. Như Đại Luận nói: Có tám ngục lớn: Một là Hoạt, hai là Hắc thành, ba là Hạp hội, bốn là Kiếu hoán, năm là Đại kiếu hoán, sáu là Nhiệt, bảy là Đại nhiệt, tám là A-tỳ địa ngục, như thế tám địa ngục lớn. Lại có mười sáu địa ngục nhỏ làm quyến thuộc có tám hàng băng (ngọc lạnh) và tam viêm hỏa (ngục nóng). Nói tám Viêm hỏa địa ngục: Một là Thán khanh, hai là Phất niệu (cứt đá), ba là Thiêu lâm, bốn là Kiếm lâm, năm là Dao Đạo, sáu là Thiết thích lâm (rừng gai sắt), bảy là Hàm hà (sông mặn), tám là Đồng tuyết. Tám ngục Hàn băng: Một là Át-phù-đà có ít nhiều lỗ, hai là Ni-la-phù-đà không có lỗ, ba là Ha-la-la là Hàn chiến tinh (lạnh run phát ra tiếng), bốn là A-bà-bà cũng lạnh phát ra tiếng, năm là Hâu hâu, cũng lạnh phát ra tiếng, sáu là Âu-ba-la, địa ngục này

bằng khiến thành sắc hoa sen xanh, bảy là Ba-đầu-ma, khiến thành sắc hoa sen đỏ, người tội ở trong đó chịu khổ, tám là Ma-ha ba đầu ma, là ở trong đó chịu khổ tùy theo nghiệp đã làm đều có nặng nhẹ. Chỗ nặng nhẹ nhất là Thượng phẩm ngũ nghịch Thập ác, đều có thân ở Đạo này.

Na-lạc-ca (Nāraka) dịch là ác. Na-lạc là người, ka là ác tức người làm ác thì sanh vào đó, đây là nêu chánh báo là Nại-lạc-ca hoặc Nại-lạc-ca, đây gọi là không thể vui, cũng gọi là khổ cụ hay khổ khí đây là nêu y báo.

Ni-lê-da (Niraya) Văn Cú nói: Địa ngục là tiếng cõi này, tiếng Phạm gọi là Nê-lê, Tần gọi là không có, tức không có vui mừng, không có khí vị, không mừng không lợi, nên gọi là không có. Hoạc gọi thấp kém hay đọa lạc, trung ấm điên huyễn, các căn đều hủy hoại. Hoạc gọi là không, tức không chỗ tha tội.

A-tỳ (Avīci) dịch là Vô gián. Quán Phật Tam-muội Kinh nói: A là không, Tỳ là cứu. Thành Luận nói: Có năm vô gián: Một là Thú quả vô gián vì bỏ báo thân sanh; hai là thọ khổ vô gián là trong đó không có vui; ba là thời vô gián, nhất định là một kiếp; bốn là Mạng vô gián, trong đó mãi chẳng dứt; năm là Hình vô gián, tức như tướng A-tỳ rộng dài tám vạn do tuần, một người hay nhiều người đều cũng đầy khắp.

Át-bộ-đà (Arbuda) Câu-xá gọi là phỏng. Lạnh đụng thân đều làm phỏng dộp.

Ni-thích-bộ-đà (Nirarabuda) dịch là bào liệt (phòng dộp) lạnh quá khiến thân nứt nẻ (theo tướng).

Át-tư-tra (Atata) Hoắc hoắc bà (Apapa-Hahava) Hổ hổ ba (huhuva-Hahadhara). Nghĩa Phủ nói: Vì lạnh quá miệng không mở ra được chỉ động lưỡi làm tiếng tư tra. Đây là ước tiếng chịu khổ mà lập tên.

Ốt-bát-la (Utpala) dịch là hoa sen xanh.

Bát-đặc-ma (Padma) dịch là hoa sen đỏ.

Ma-ha-bát-đặc-ma (Mahapadma) dịch là hoa sen đỏ lớn, đây đều là do lạnh mà thân có sắc hoa sen xanh, đỏ.

Tân-tra-la (Pithara) dịch là Tập dục, vừa vào liền ra, tuy ở trong đó mà không đau khổ.

A-ba-na-gia-đê chi). Kinh Âm Nghĩa nói dịch là ác thú, có ba ác thú cũng gọi Tam đồ. Nói Tam đồ, Chích Hoa nói: Đồ là đạo (đường). Luận Ngữ nói: Gặp các đồ. Xét bốn giải thoát kinh nói: Địa ngục gọi là Hỏa đồ đạo, ngạ quỷ gọi là Đạo đồ đạo, súc sanh gọi là Huyết đồ đạo. Đồ có hai nghĩa: Một là nghĩa tàn hại, đồ tức là Đồ thán. Như Thượng thư gọi Dân trụ đồ thán. Hai là nghĩa chỗ đến Đồ tức là Đồ đạo. Như

Dịch nói: Đồng qui nhi thù đồ (cùng về mà khác đường). Song Xuân Thu nói: Bốn Nhạc ba Đồ. Ứng Pháp sư nói; Xuân thu có ba Đồ là chỗ nguy hiểm, mượn đây làm tên. Thông Huệ nói: Có bản viết đồ ? là sai, phải viết là đồ của đồ nê. Người sau đổi gọi súc sanh, ngựa quỉ, địa ngục là ba đồ. Phải biết đây riêng chỉ cho địa ngục. Song Chỉ Qui nói: Không phải trái với giáo ta. Kinh bốn giải thoát nói Đạo - Huyết - Hỏa ba thứ lại vu cho Ứng Sư Âm Nghĩa. Kẻ hậu học kiểm tra tự thấy đối lập. Lại các giáo điển nói tám nạn: Tức ba ác đạo là ba, bốn là Bắc châu, năm là Trường thọ thiên, sáu là sanh trước Phật sau Phật, bảy là thế trí biện thông, tám là các căn chẳng đủ. Nay nói tụng rằng:

*Ba đồ, Bắc châu, Trường thọ thiên,  
Các căn chẳng đủ và thế trí,  
Trước Phật sau Phật cộng tám nạn.*

Khi chịu tám quả này chẳng được Thánh hóa, nên gọi là nạn. Hoặc Thế trí biện thông gọi là người sanh tà kiến. Tịnh Danh Sớ nói: Có hai thứ tám nạn: Một là phạm phu ở sự tám nạn, hai là Nhị thừa ở lý tám nạn. Sự tức là tám nạn giới nội, Lý tức là tám nạn giới ngoại. Kinh Khê nói: Nếu muốn lược nói thì trong Hữu Dư người có ba mươi tâm là ba ác đạo. Ở pháp vô ngã gọi là Bắc châu, Địa tiền pháp ái như Trường thọ thiên, chưa có Sơ địa mười thứ sáu căn gọi là các căn chẳng đủ. Địa tiền trí cạn như Thế trí biện thông chẳng hiểu rõ tung lý, như trước sau Phật nếu trong Thật báo vị vị trông nhau tiết tiết làm thành. Đây đều là chương lý Trung đạo. Thành Luận nói: Bồ-tát nói bốn luận dẹp tám nạn, một khi sanh giữa nước hay dẹp năm nạn, tức là ba đồ, Bắc châu và Trường thọ thiên. Hai là Chánh nguyện thì dẹp Thế trí biện thông. Ba là trồng thiện nhân, thì dẹp điếc đui câm ngọng. Bốn là gần người thiện thì dẹp sanh trước sau Phật. Muốn dẹp tám nạn phải tập bốn luận này, nên nay nêu ra khiến suy nghĩ mà tu.

#### 24. THỜI PHÂN.

Tây Vực Ký nói: Thời gian ngắn nhất gọi là Sát-na, một trăm hai mươi sát-na là một Đất sát-na, sáu mươi Đất sát-na là một Lạp phược, ba mươi Lạp phược là mâu-hô-lật-đa năm mươi mâu-hô-lật-đa là một thời, sáu mươi thời hợp thành một ngày một đêm. Đêm có ba ngày có ba. Theo tục phân ngày đêm có tám thời, ngày bốn đêm bốn. Trăng đầy đến tròn gọi là Bạch phân, trăng từ khuyết đến tối trời (30) thì gọi là Hắc phân, có mười bốn ngày hoặc mười lăm ngày có tháng thiếu đủ. Hắc trước bạch sau hợp thành một tháng, sáu tháng gọi là một hành.

Mặt trời dạo ở trong gọi là Bắc hành, mặt trời dạo ở ngoài gọi là Nam hành, chung có hai hành họp làm một năm. Lại phân một năm làm sáu thời, ngày 16 tháng giêng đến ngày 15 tháng 3 là Tiềm thực, ngày 16 tháng 3 đến ngày 15 tháng 5 là Thanh thực, ngày 16 tháng 5 đến ngày 15 tháng 7 là Vũ thời, ngày 16 tháng 7 đến ngày 15 tháng 9 là Mậu thời, ngày 16 tháng 9 đến ngày 15 tháng 11 là Tiệm hàn, ngày 16 tháng 11 đến ngày 15 tháng giêng là Thanh hàn. Như Lai Thánh giáo nói Tuế (năm) có ba thời. Ngày 16 tháng giêng đến ngày 15 tháng 5 gọi là Thực thời, ngày 16 tháng 5 đến ngày 15 tháng 9 gọi là Vũ thời, ngày 16 tháng 9 đến ngày 15 tháng giêng gọi là Hàn thời. Hoặc chia làm bốn thời: Xuân hạ thu đông, mùa xuân có tháng gọi là tháng Chế-tồ-la, tháng Phục-xá-khư, tháng Thệ-sắc-tra. Từ 16 tháng giêng đến ngày 15 tháng 4 là ba tháng mùa Hạ, tức là tháng Át-sa-trà, tháng Thất-la-phạt-noa, tháng Bà-đạt-la-bát-đà. Từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 15 tháng 7 là ba tháng mùa thu, tức là tháng Át-thấp-phước-dữu-xà, tháng Ca-thích-để-ca, tháng Mạt-già-thủy-la. Từ ngày 16 tháng 7 đến ngày 15 tháng 10 là ba tháng mùa đông, tức tháng Báo, tháng Ma-khư, tháng Phả-lặc-lủ-noa. Từ ngày 16 tháng 10 đến ngày 15 tháng giêng lại là thời Đông hạ. Như Nhĩ Nha nói: Nhà Hạ nói Tuế, nhà Thương gọi Tự, nhà Chu gọi Niên, Đường Ngu gọi Đãi. Chú nói: Tuế là lấy sao Tuế đi một vòng, tự là lấy bốn thời tế tự hết một lượt, Niên là lấy lúa thóc chín trong một năm, Đãi (tải?) là lấy vật mùa đông lại bắt đầu Thượng Thư Đại Truyện nói: Nhà Hạ lấy 13 tháng làm chánh (tháng giêng?), sắc còn đen, lấy bình đàn làm sóc (ngày mồng một?) nhà Ân lấy 12 tháng làm chánh, sắc còn trắng, lấy gà gáy làm sóc. Nhà Chu lấy 11 tháng làm chánh, sắc còn đỏ, lấy nửa đêm làm sóc. Bạch Hổ Thông nói: Chánh sóc có ba. Bàn thiên có ba thống tức là tháng ba vi, ba vi là dương khí mới bản chất, Huỳnh tuyên vạn vật mới động nhẹ mà chưa trước. Thời 11 tháng là Dương khí bắt đầu, nuôi rễ cây, dưới Huỳnh tuyên vạn vật đều đỏ. Đỏ là khí Thanh Dương. Nhà Chu lấy trời làm chánh sắc, vì còn đỏ. Thời 12 tháng thì vạn vật bắt đầu nảy mầm mà trắng, trắng là khí âm dương. Nhà âm lấy đất làm chánh sắc vì còn trắng. Thời 13 tháng là vạn vật mới bắt đầu lập phù giá mà ra đều đen, người được gia công, nên Hạ là chánh sắc của người, vì còn đen.

Bạt-đà-kiếp-ky (Bhadrakalpa). Kiếp ky Đại Luận bảo Tần gọi là phân biệt thời tiết. Bạt-đà, Tần gọi là Thiện có ngàn vạn kiếp quá khứ không có Phật, thì trong một kiếp ấy có ngàn Phật ra đời, các trời Tịnh Cư vui mừng nên gọi là Thiện kiếp. Trong một kiếp này có bốn trung

kiếp là Thành trụ hoại không. Nghĩa như tôi đã tuyển hình kiếp ba lấy từ Đại Luận. Hỏi: Bồ-tát bao lâu thì trồng được ba mươi hai tướng? Đáp: Chậm lắm là một trăm kiếp, nhanh nhất là chín mươi mốt kiếp. Đây là ước theo Đại kiếp. Song gieo trồng tướng hảo có bốn nghĩa: Một là chỗ trồng tướng, theo Đại Luận thì ở Dục giới, không phải là sắc và vô sắc. Trong năm đạo Dục giới thì ở tại nhân đạo trong bốn thiên hạ ở tại Diêm-phù-đề, trong thân nam nữ thì ở không phải thân nữ, trồng khi Phật ra đời, khi Phật diệt thì không trồng, duyên thân Phật mà trồng không trồng các thứ khác; Hai là nghiệp trồng tướng, theo Đại Luận nói: dùng ý nghiệp mà trồng không phải nghiệp thân khẩu. Vì sao thế? Vì ý nghiệp có lợi (lành lợi?). Hỏi: Ý nghiệp có sáu thức vậy là thức nào? Đáp: Là ý thức, không phải năm thức kia, vì năm thức chẳng thể phân biệt; Ba là mối trồng tướng (trồng tướng đầu tiên). Có người nói Trúc an lập tướng (tướng chân đứng vững mối trồng?) trồng trước, có người nói tướng mắt xanh biết trồng trước. Đại Luận nói: Tuy có lời nói ấy nhưng không cần thiết. Nếu khi tướng nhân duyên hòa hợp thì liền nói là trồng trước; Bốn là trồng tướng phước, tất cả người phá chánh kiến nhưng có một người có thể dạy khiến được tịnh giới chánh kiến thì như thế là một phước. Đây đủ trăm phước thì thành tựu một tướng.

Sát-na (Ksana), Lăng Già nói: Thời sát-na không dừng nên gọi là sát-na. Câu-xá nói trong khoảng (một cái) khảy móng tay của tráng sĩ thì có sáu mươi lăm sát-na. Nhân Vương nói: Trong một niệm có chín mươi sát-na, một sát-na trải qua chín trăm sanh diệt. Tỳ-đàm dịch là một niệm Nhật Tạng nói: Ta nay lại nói số của sát-na một ngàn sáu trăm (1600) sát-na gọi là một ca-la, sáu mươi ca-la gọi là một mô-hô-luật-đa, ba mươi mô-hô-luật-đa là một ngày đêm Câu-xá Luận nói: Thời gian cực ngắn gọi là sát-na, thời gian cực dài gọi là kiếp. Thông minh cực nhỏ gồm có ba thứ. Câu-xá tụng rằng:

*Cực nhỏ tên (chữ) sát-na,  
Sắc danh thời cực nhỏ.*

Giải thích rằng: Phân tích các sắc đến chỗ nhỏ nhất thì gọi là sắc cực nhỏ, phân tích các danh và thời đến một chữ một sát-na là danh cực nhỏ và thời cực nhỏ.

Đát-sát-na (Taksana) Tỳ-đàm dịch là một nháy mắt. Tăng Kỳ nói: Hai mươi niệm là một nháy mắt, hai mươi nháy mắt là một đờn chỉ (một khảy móng tay).

Ma-hầu-la (Muhūrta) Tỳ-đàm dịch là Tu-du (phút chốc), một ngày một đêm cộng có ba mươi tu du. Tăng Kỳ nói: Hai mươi la dự gọi là một



---

tu du. Tụng rằng: Một trăm hai mươi sát-na là một đất-sát-na, sáu mươi  
lạp phược là ba mươi tu du là ba mươi ngày đêm, ba mươi ngày đêm là  
một tháng, mười hai tháng là một năm, trong đó giảm bớt nửa đêm.

Ca-la (Kala) Khán Chánh Ký gọi là thật thời, nghĩa là trong Tỳ-ni  
dạy răn đệ tử nghe giờ ăn mà không ăn (ngăn) phi thời thì thật có thời  
ấy. Cho nên Đại Luận nói: Tỳ-ni kết giới là trong thế giới thật, không  
phải là thật trong Đệ nhất nghĩa. Luận lại hỏi rằng: Nếu giờ (lúc) ăn phi  
thời, giờ (lúc) uống thuốc, giờ (lúc) mặc áo đều là ca-la sao không nói  
là tam-ma-da. Đáp lời này trong Tỳ-ni kể bạch y không được nghe thì  
ngoại đạo do đâu nghe được mà sanh tà kiến. Các kinh khác đều được  
nghe, thế nên nói Tam-ma-da khiến không sanh tà kiến.

Ta-ma-da (Samaya), Khan Chánh Ký gọi là giả thời, cũng gọi là  
thời ngắn thời dài. Luận nói: Vì trừ tà kiến nên nói Ta-ma-da mà chẳng  
nói Ca-la. Lại có người nói: Tất cả trời đất tốt xấu đều lấy thời làm  
nhân. Trung Luận rộng ước ba đời vô tướng, thế nên thời pháp không  
thật, thế nên nói Ta-ma-da khiến không sanh tà kiến. Ta-ma-da là giả  
(ngụy) gọi là thời, cũng gọi thời giả gọi, cũng gọi là thời dài thời ngắn,  
chẳng đồng với định chấp của người ngoài, bởi là giả nói dài ngắn mà  
không có thật, hoặc dài hoặc ngắn đều gọi là Ta-ma-da, thấy Âm-giới-  
nhập có sanh diệt mà giả gọi là thời.

A-lưu-na (Aruna) hoặc A-lâu-na hoặc Tát-đỏa, Hán gọi là Minh  
Tướng. Minh Liễu Luận rằng: Đông phương đã đổ Thông Huệ Chỉ Qui  
nói: Phương này ước mặt trời chưa mọc trước hai khắc thì sáng, đây là  
minh tướng, lấy xem thấy chỉ trong bàn tay làm mức là bốn phân minh.  
Lại Biệt Tông gọi là Đại liễu thời nghĩa là thấy sắc đất rõ ràng. Lại nói:  
Mặt trời mọc chiếu sáng sắc cây Diêm-phù nên gọi là Minh Tướng.  
Kinh Hư không Tạng nói: Là mới làm hạnh Bồ-tát (Bồ-tát sơ hạnh) khi  
sao mai mới mọc thì từ tòa ngồi đứng dậy hướng về sao sáng mà nói  
thế này Nam mô A-lâu-na thành tựu đại bi, nay mới ra ở Diêm-phù-đề  
nguyện đem đại bi che chở con, lại bạch rằng: Đại Bi Hư Không Tạng  
Bồ-tát trong đêm báo mộng chỉ bày con phương tiện để làm duyên mà  
hối lỗi chỗ phạm căn bản tội nặng vậy.

